

Richard Millès

L'Éveil du Guide Intérieur

Richard Millès

L'Éveil du Guide Intérieur

Et

Voyages et Séjours en Afrique

1983-1991

*Edition revue et corrigée
Octobre 2005*

Richard Millères

Sự thức tỉnh
của
Hướng Đạo Nội tâm

Minh Thần
dịch

 3.2024

phiên bản 3.2024 - Góc Nhỏ

Mục Lục

Trước lúc vào Subud	7
Được khai mở (1959)	15
Nhà tôi được khai mở	19
Pierre được khai mở	21
Chuyển tới Ariege	23
Quan hệ với Bapak	27
Lễ cưới tại nhà thờ	31
Quan hệ với Giáo Hội	34
Là phụ tá của Bapak	35
Được dẫn vào Subud như thế nào?	39
Nơi công sở	40
Cái tên Renaud	43
Ông cụ tôi	44
Monique	49

Robert em trai tôi	57
Sự đổi mới của chứng nghiệm	60
Tái sinh	62
Subud và bệnh tật	64
Những giấc mơ	69
Bapak giải nghĩa về các thiên sứ và lịch sử của nhân loại	72
Bí ẩn của cội nguồn	76
Thượng Đế và khoa học	80
Chân không trở nên lớn hơn	83
Tràng hạt nội tâm	87
Đạo đức và tôn giáo	88
Nghĩa lí đời người	91
Trở về cội nguồn	92
Cái cười	93
Phép mầu	97
Thượng Đế nào?	99
Cầu nguyện	103
Sự xuất hiện của Subud trong thời đại chúng ta	106
Subud đã được báo trước	108
Bí mật Fatima	110

Phụ bản: viếng Cộng hòa Zaire lần đầu	113
Phụ bản: viếng Cộng hòa Zaire lần thứ hai	116
Phụ bản: viếng Cộng hòa Zaire lần thứ ba	120
Phụ bản: viếng Cộng hòa Zaire lần thứ tư	122



Richard Millers
(1920-2019)

Trước lúc vào Subud

Trong 40 năm đầu tiên của đời mình, tôi bị dẫn dắt giữa những sức mạnh đối nghịch nhau, khiến có vô số những xung đột trong tâm hồn, và đó là điều ảnh hưởng tới những quan hệ ngoài đời của tôi với mọi người. Tôi thường chống đối vì kiêu ngạo, vì những ý kiến và tín ngưỡng bất khả xâm phạm, vì cái Tôi của mình.

Tới tuổi tự nhận thức được mình, (lúc đó tôi ở Villenauxe-la-Grande, cách Paris 80km) tôi thắc mắc về ý nghĩa cuộc sống của chính mình: con người là gì? Thế nào là yêu thương? Yêu thương, được yêu thương, không được yêu thương? Vui hay buồn trong lao động? Muốn, không muốn; tôi, không là tôi? Tôi không vui sướng theo nghĩa đen của từ đó. Tôi cảm thấy có những xung động trong tâm hồn, những kinh hoàng làm tôi thức đêm. Làm cách nào tiếp cận những bí mật của hạnh phúc? Có một Thượng Đế? Nếu có thì đâu là bằng chứng?

Từ năm 1939, những thắc mắc không giải đáp đó khiến tôi chống đối và là biểu hiện đầu tiên tinh thần độc lập của mình: tôi không chịu học cách giết người; đoán trước mình sẽ bị gọi thi hành nghĩa vụ quân sự, tôi tình nguyện vào đoàn cứu hỏa của Paris, trong đó người ta không học cách giết mà

là cứu những sinh mạng. Sau khi vào doanh trại Port Royal, tôi thuyền chuyển tới doanh trại Grenelle, nơi được huấn luyện cực nhọc, nhưng để phục vụ cho tha nhân.

Tôi vui mừng trong đoàn ngũ đó, hãnh diện vì đứng thứ 3 sau khi thi ra trường. Nhưng trong một cuộc khám nghiệm sức khỏe người ta phát hiện một tràn dịch áo tinh (hydrocele) nơi tinh hoàn. Điều khiến tôi rất thất vọng là Hội Đồng phục viên tuyên bố tôi bị loại thải. Tôi đã khóc khi giã từ đoàn ngũ đó.

Để không là một gánh nặng cho bố mẹ mình (tôi là anh cả trong 4 anh em) tôi kiếm được một việc làm trong một hãng xưởng tại đại lộ Kellerman ở Paris, nơi tôi làm thợ tôi thép. Công việc đó không thích hợp với mình, tôi không lấy đó làm vui.

Xảy ra cuộc chiến 1939-1945: Pháp thua trận bị Đức chiếm đóng. Bị trưng tập lao động bởi cục STO (Service du Travail Obligatoire: ban trưng tập lao động bắt buộc) tôi lên xe lửa qua Đức lao động tại những nhà máy sản xuất vũ khí cho Đức Quốc Xã. Tôi tới Munich, rồi bị đưa vào trại Lugelfeld. Tôi nghĩ mình ra đi chỉ có vài tháng. Nhưng đó chỉ là ảo tưởng! Tôi chết dí trong 3 năm nơi nhà máy BMW, một nhà máy lớn che giấu trong một khu rừng, mục tiêu của những trận dội bom thường xuyên. Tôi làm thợ tiện liên tiếp trong 12 tiếng đồng hồ, một tuần làm ca sáng (từ 6 tới 18 giờ) và một tuần làm ca đêm (từ 18 tới 6 giờ), dưới sự đe dọa của những trận dội bom. Thường cô đơn, tránh mình trong những hầm trú ẩn, tôi có thể lâu dài suy tư về nghĩa lí đời người, về cái chết, về việc thế nào là một con người. May mắn là tôi đã vô sự thoát khỏi cảnh địa ngục đó.

Sau chiến tranh, tôi trở về Pháp trên một xe vận tải của quân đội. Khi tôi tới biên giới ở Strasbourg, một anh lính kêu gọi tôi (chúng tôi là dân cùng làng): "Mày từ đâu tới, tại sao lại có mặt nơi đây?" Tôi nói mình về từ Pháp, về làng mạc bố mẹ mình. "Mày có thể giúp tao, tao đưa cho mày một bức

thư cho em gái tao, mà có thể đưa cho nó.” Tôi chịu mình là kẻ đưa thư; nhưng tôi không quen biết em gái y, bởi khi qua Đức tôi đã 22 tuổi, còn cô ta chỉ 13 tuổi, cô không thuộc đám bạn bè mình hồi đó.

Sau nhiều sự đột biến, tôi đã về quê...Thật là một cú sốc: căn nhà chúng tôi đã bị bom đạn phá hủy. Sau khi hỏi han mọi người, tôi hay được nơi cư trú của gia đình mình cách đó 200m. Sau một vài ngày, tôi hỏi mẹ mình cô em gái thẳng bạn mình ở đâu. Bà chỉ cho tôi nơi chốn, tôi đến đó đưa thư cho cô. Cô không có mặt trong nhà, người ta cho tôi hay cô đang ở nơi giặt công cộng của một ngôi nước. Tôi tìm thấy cô, đôi mắt chúng tôi gặp nhau; như điều người ta nói, đó là một „bột hứng”. Tôi xúc động vì cái nghị lực và sự quyết tâm giặt quần áo của cô. Tôi đưa cho cô bức thư của anh cô. Sau đó, chúng tôi gặp nhau trong cùng một nhóm chơi bóng đá; thể thao làm cho chúng tôi xích lại gần nhau, và quan hệ đôi bên trở nên thân thiện.

Bởi thích thể thao nên tôi đến Ban Thể Thao ở Paris để hỏi xem mình có thể thành giáo viên thể thao và thể dục. Sau khi hay được những gì phải làm, tôi theo những khóa đào tạo nghề nghiệp ở Trung Tâm Bagatelle, rồi Trung Tâm Roubaix, tôi đứng nhất trong kỳ thi chuẩn bị. Kỳ thi cấp bằng xảy ra tại Paris trong một tuần lễ. Công lao học hành cực nhọc của tôi được đền bù, bởi trong 400 thí sinh lấy bằng giáo viên thể dục (cho 40 chỗ làm việc) , tôi đứng thứ 30! Tôi vui mừng vô cùng vì có một nghề nghiệp thích hợp. Hơn nữa, tôi thích làm việc chung với giới trẻ, để truyền thụ cho họ những cách được mạnh khỏe nhờ thể thao.

Quan hệ của tôi với cô gái mà tôi quen biết do những hoàn cảnh kỳ ngộ, trở nên thân mật hơn. Tôi xin cha cô cho tôi cưới cô, và ông đã chấp thuận, sau khi bắt tôi chờ đợi 2 năm. Trong năm 1948, lễ cưới xảy ra theo thủ tục dân sự, và điều đó làm phật lòng nhiều người của gia tộc tôi. Năm sau, đứa con trai Gerard sinh ra.

Năm 1950, trong lúc tôi đang dạy tại sân vận động Montereau, hai nhân vật – ăn mặc tươm tắp – bất ngờ đến quan sát. Cuối buổi học, họ tự giới thiệu là đại diện cho trường EDF của Gurcy-le-Chatel. Họ nói họ rất phục lỗi dạy học của tôi, và đề nghị cho tôi làm giáo viên thể dục và thể thao tại trung tâm Gurcy của họ. Họ chấp nhận mọi điều kiện, và thúc bách tôi cho họ nhanh chóng biết tôi chịu hay không. Ngạc nhiên vì đề nghị hấp dẫn đó (miễn trả tiền nhà trong 13 tháng), tôi yêu cầu cho mình một thời gian suy nghĩ để bàn luận với bà xã. Renee đồng ý, tôi đạp xe tới Gurcy, một trung tâm nằm ngay giữa thiên nhiên, để cho hay mình đã chịu. Chúng tôi dọn nhà từ Montereau tới Montigny-Lencoup là nơi chúng tôi ở trong 10 năm. Các học sinh từ 17 tới 20 tuổi đều mến tôi.

Luôn thích được ngay bên cạnh thiên nhiên và sau khi đọc về những thành tích của những kẻ leo tới đỉnh núi Alps và Himalaya, tôi muốn tìm hiểu xem những truyện đó hư thực ra sao. Tôi dự những khóa học tại núi Alps để trở thành một hướng dẫn viên leo núi. Đó là lúc tôi trải qua những giây phút vô cùng thích thú.

Nhưng công cuộc tìm hiểu nội tâm vẫn chưa được toại nguyện. Tôi thực sự là một người như thế nào?

Từ lúc trở về nước từ Đức, tôi quan tâm tới chính trị, hoạt động cho đảng Cộng sản, nhưng điều đó cũng không cho tôi một giải đáp hài lòng. Trong một tập san của Bộ Thể Dục Thể Thao, tôi đọc một bài viết môn Hatha Yoga. Tôi tự tập môn thể dục hồn nhiên đó, một môn bắt đầu bành trướng ở Pháp trong năm 1950. Tôi may mắn tìm thấy một vị chính cống dạy môn Yoga từ Ấn Độ. Tôi đến gặp ông một hay hai lần mỗi tháng, để ông truyền cho mình lối thể dục mới lạ đó. Tôi nhanh chóng tiến bộ, điều khiển và làm được cho cơ thể mình trở nên dẻo dai, và đó là điều khiến cho nghề nghiệp thể dục và thể thao của tôi trở nên khá hơn. Tôi rất vui mừng.

Ngoài ra, tôi còn được khuyên tập thiền sau một buổi

Hatha-Yoga. Nhưng thiền để làm gì? Tôi đặt câu hỏi đó cho ông thầy mình, và ông khuyên tôi đến gặp một Swami (đại đức) tài một ashram (tu viện) ở Gretz, cách 80km nơi chúng tôi ở.

Sau khi xin gặp ông, tôi đi xe đến gặp. Ông niềm nở đón tiếp tôi, nghe tôi nói mình mong ước theo một tôn giáo, bởi kể từ lúc rửa tội, tôi đã không một lần nào đi nhà thờ: tôi là một kẻ vô thần. Sau khi nghe tôi nói trong một lúc lâu, ông nói: "Ở đây, chúng tôi không truyền thụ một tôn giáo nào, mà chỉ là truyền thống Vedanta."

Ông bắt đầu truyền cho tôi môn pranayama, một lối thiền định, dạy cho tôi một thần chú và khuyên tôi đọc một vài cuốn sách, nhất là cuốn về cuộc đời Thánh Ramakrishna, cuốn Madukya Upanishad và một số thánh thư khác. Vui mừng vì cuộc gặp gỡ đó, tôi tu tập theo giáo lý mới đó. Trong 7 năm, mỗi tháng, tôi thức dậy sớm để tập hatha-yoga và những cách hô hấp, rồi tọa thiền và đọc các thánh thư. Tôi xây cất nơi tầng trên cùng của nhà cho mình một nhà thờ nhỏ bé, nơi mình phải khó khăn leo thang lên.

Nếu trước kia đọc những tác phẩm chính trị, thì bây giờ tôi đổi hướng: tôi chuyên đọc về cuộc đời những vị thánh các đạo Hindu, Thiên Chúa, Phật vv...Đồng thời tôi nghiên cứu Upanishads, triết học Vedanta, Lão giáo, Phật giáo...

Nhờ vậy mà trí óc tôi hiểu được những giáo lý của Đông phương. Tôi cũng bắt đầu thoáng nhìn thấy có một sự an vui mà Thượng Đế ban cho những ai phó thác cho Thượng Đế. Nhưng tất cả những cái đó vẫn còn là lý thuyết; tôi vẫn còn đang đi tìm một sự thức tỉnh của nội tâm, một sự „khai thông“ trong những sách mình đọc, nhất là về cuộc đời của Ramakrishna, của Thánh Jean de la Croix, của Thầy Dòng Laurent de la Reurrection và nhiều vị khác.

Nhưng lối sống đó thường khiến tôi phải tách xa vợ con. Do nghề nghiệp mình tôi cũng tập nhu đạo (để đạt được dai đen

trong năm 1954). Do đó tôi đã lạm dụng sức khỏe mình. Tôi phải đình đọat.

Trong cuộc khám nghiệm sức khỏe hàng năm cho giáo viên, sự việc chụp tia X cho thấy tôi có một hang phổi. Tôi bắt buộc phải ngưng tập nhu đạo, hatha-yoga và pranayama, vì đã tập quá sức mình, bất chấp sự cảnh báo của Swami. Lòng kiêu ngạo của tôi bị trừng phạt nặng. Bác sĩ Kanoni muốn tôi vào bệnh viện Melin; tôi không chịu, hứa với ông là mình sẽ dưỡng sức để tự săn sóc mình, bằng cách nằm nghỉ 18 tiếng trong 24, mà không dùng thuốc men. Tôi còn cho ông biết là mình ăn chay; nhà tôi hỏi ông đó có là nguyên nhân cái hang phổi của tôi hay không. Ông mỉm cười nói chế độ ăn uống đó không liên quan gì tới hang phổi. Tuy nhiên, ông khuyên tôi mỗi tuần nên ăn một miếng thịt ngựa.

Triết học Vedanta giúp rất nhiều cho tôi chấp nhận căn bệnh đó. Ai có tin hay không thì tùy: "Phổi mắc bệnh, chứ không là Tôi." Đó là bệnh của phổi, chứ không là bệnh của TÔI; tôi không muốn dính líu gì tới, tôi thản nhiên, điều làm cho nhà tôi ngạc nhiên. Tôi làm mọi cách để lành bệnh, tức là nằm nghỉ 18 tiếng trong 24, và không bi thảm hóa.

Trong lúc tôi nghỉ ngơi, một ông thầy hatha-yoga ở Gretz tới thăm; ông chỉ cho tôi những thể yoga nguy hiểm cho tình trạng tôi mà tôi không nên tập. Ngoài ra, mỗi sáng, tôi đều xoa bóp bụng mình trong lúc tắm nước lạnh. Ông nói với tôi là không nên quá khắt khe với mình, và nên làm cho nước ấm hơn. Chính ông, lúc 20 tuổi, cũng đã bị bệnh phổi và đã lành bệnh nhờ phương pháp này: tức là không dùng thuốc men, mà chỉ là một muống cà phê gồm đất xét xanh lá cây (phơi ánh mặt trời) trong một ly nước. Ông đã làm như vậy trong 21 ngày, nghỉ làm trong 9 ngày, rồi lại làm tiếp.

Ông bác sĩ theo dõi bệnh tình tôi lấy làm ngạc nhiên vì tinh thần của tôi. Đến thăm tôi, ông bảo tôi biểu diễn cho ông vài thể „asanas". Ông nói: "Nếu tất cả các bệnh nhân đều như ông đây, thì bảo hiểm xã hội bớt bị thâm thủng công quỹ,

và các y sĩ bắt phải làm việc." Chúng tôi vui cười bàn luận về triết học. Mỗi tháng, tôi đi bác sĩ và nói với ông: "Hang phổi đã đóng lại." Thực vậy, chụp tia X cho thấy điều đó. Tôi không hề dùng bất cứ thuốc nào, mà chỉ dựa vào quyết tâm lành bệnh. Sau vài tháng, tôi lành mạnh.

Tôi tiếp tục tu tập, trừ việc tập những thể hatha-yoga không được tập trong lúc bệnh. Đứa cháu gái Monique sinh ra trong năm 1954.

Một người bạn khiến tôi liên lạc được với một nhà sư Phật giáo từ Tích Lan. Ông dạy cho tôi những nguyên tắc của đạo Phật, cách hành lễ và hành đạo.

Swami Sidhesvarananda đặt cho tôi cái tên là Dharmadas, nghĩa là đệ tử của Dharma, hay dưới sự phục vụ của Dharma. Cái tên đó tôi không mang ra ngoài, mà là khắc sâu trong tâm mình. Tôi chỉ hiểu được ý nghĩa đích thực của nó một vài năm sau.

Năm 1957 Swami qua đời. Đó là một cú sốc với tất cả những ai là đệ tử của ông. Đến Gretz thấy áo quan ông, tôi đứng dài lâu nhìn khuôn mặt thản nhiên của ông, cảm thấy mình mất đi một người thân. Mỗi sáng, sau khi thiền định, tôi xin cho mình có một hướng đạo tâm linh mới. Tôi hoàn toàn không còn hoạt động chính trị nữa, bởi đó không là điều hợp với tư duy mới của mình về cuộc sống. Tôi bắt đầu tin ở Thượng Đế, nhưng đó chỉ là một niềm tin không bằng chứng. Một buổi sáng nọ, tôi nhận thấy một sự tĩnh lặng của nội tâm, nhưng là một sự tĩnh lặng thiếu Sức Sống. Đối diện sự yên tĩnh đó, tôi cảm thấy mình thiếu một cái gì đó.

Tháng 8 1959, một anh bạn Phật giáo, một đệ tử của Swami Sidhesvarananda và là người truyền cho tôi một vài phép thiền, cũng như tôi đang đi tìm một hướng đạo tâm linh khác. Anh phấn khởi viết thư cho tôi: "Tôi có một cuốn sách anh sẽ thích đọc, về một chân sư Đông phương, và đó là điều chúng ta cần." Chủ Nhật hôm sau, tôi đạp xe tới gặp

anh ở Gretz, để đọc cuốn sách đó, cuốn „Nguồn Đại Lực“ của John Bennett. Tôi đọc xong trong một đêm; sáng hôm sau, tôi nói với anh: “Đúng vậy! Đó là điều chúng ta cần! Làm cách nào nhận được sự giao tiếp mà cuốn sách bàn tới? Tôi muốn gặp ông Subuh Sumohadiwidjojo.” Anh khuyên tôi viết thư cho một nhân vật có liên hệ với ông Bennett, vì người đó biết khi nào Bapak đến Paris. Tôi tức khắc viết thư. Vài ngày sau đó, tôi nhận được một bức thư cho hay Bapak Subuh sẽ ghé qua Pháp vào tháng 11 1959. Tôi viết thêm một bức thư yêu cầu cho mình nhận được sự giao tiếp của Bapak. Không biết Subud thực sự là gì, tôi chờ đợi, nóng lòng nhận được Nguồn Đại Lực đó. Tôi phải kiên nhẫn và chờ đợi 4 tháng.

Tháng 10 1959, một bức thư của Hubert. A báo tin cho tôi hay ông Subuh sẽ đến Paris những ngày 21 và 22 tháng 11. Tôi vô cùng vui mừng!

Được khai mở (1959)

Có những kí ức còn in khắc trong óc tôi.

Vì ở Montigny-Lencoup nên tôi phải lấy xe lửa tới Paris-Monterau. Không có xe buýt tôi đạp xe đạp tới Montereau, cách đó 15km. Tôi như có cánh bay!

Thích hiểu biết những bí mật của cuộc sống bằng kinh nghiệm thay vì bằng ý nghĩ hay bằng cách nghe những gì thiên hạ nói, nên tôi lao phóng tới gặp Bapak, không vì tò mò, mà vì một nhu cầu không cưỡng lại được của nội tâm.

Tất cả những gì trong tôi đều muốn thử lối tu tập đó, để nhận được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Đối với tôi Thượng Đế là một nam châm lớn vô cùng thu hút tôi. Bởi dù tập thiền và tụng niệm thánh thư, tôi thấy nội tâm mình hỗn loạn với vô số nghịch lí. Tôi không đau khổ, nhưng thấy có gì đó thiếu thốn; sự tầm đạo của tôi chưa được thỏa mãn, tôi khao khát hiểu biết được những gì thực dụng nhưng sâu rộng hơn.

Nên tôi tự do đến với Subud một cách vui vẻ, như đến một chiếc phao cứu đắm, một cách cương quyết và không lo ngại,

để vui lòng nhận được sự giao tiếp.

Những đau khổ của tôi thời thơ ấu, rồi trong lúc bị lưu đày, khiến tôi đi tìm một nghĩa lí tốt đẹp hơn cho cái đời người đáng chán này; tôi bơi lội trong vũng bùn nên khao khát bơi trong một vũng nước trong lành. Tôi rất cần phải hiểu được cuộc sống, để thích nghi và chấp nhận nó, để sống trong hạnh phúc và an bình.

Ở Paris tôi đến gặp Robert và một anh bạn Phật giáo, để cùng nhau tới một phòng hội họp gồm 50 người đang đợi ông Subuh.

Ngày 21 tháng 11 1959, cuối cùng tôi đã gặp được Bapak Subuh Sumohadjwidjojo. Khi đến, ông điềm tĩnh bước vào, nói gì đó với ông G.Bennett; ông Bennett yêu cầu chúng tôi cởi giày dép, đồng hồ đeo tay. Chúng tôi đứng mỗi người cách nhau 1,50m, theo nhiều hàng.

Lập tức, tôi đến đứng hàng đầu, trước mặt ông Subuh. Ông Bennettt nói tới cái thái độ cần có để nhận được sự giao tiếp với Nguồn Đại Lực: đừng nghĩ ngại, đừng lo ngại, nhắm mắt lại, vv...

- Bắt đầu.

Những ý nghĩ thường xáo trộn chợt ngưng hẳn; tôi ý thức được tất cả những bộ phận của cơ thể mình. Tôi thấy đến phía mình từ đằng xa một ngôi sao chói xoay rất nhanh. Tôi không có thì giờ hỏi đó là gì, và khi nó đụng vào trán mình, tôi phá lên cười lớn tiếng. Ngực tôi như mở ra (để làm gì?).

Kể đến, tôi cảm thấy phía dưới xương sống như có một luồng điện rất mạnh. Một nguồn lực xông lên dọc theo xương sống, và khi nó tới ngực, tôi đưa hai cánh tay lên. Toàn thân tôi rung động trong một niềm hạnh phúc chưa từng thấy. Tâm thức tôi thức tỉnh, tôi nhận thấy mình được „làm cho cử động” không do sự can thiệp của ý chí hay của ai khác. Ông

Subuh chỉ là một „tuyến dẫn“ đem tới luồng điện đó của sự sống. Ông chỉ làm chứng cho sự đón nhận năng lượng của thiên quyền.

Tôi nghe thấy tiếng của những người chung quanh mình, nhưng không cảm thấy bị vướng víu hay lo ngại.

Tiếp đó tôi nghe thấy tiếng „Xong rồi“. Điều khiến tôi tiếc nuối là sự rung động đó mất dần. Hai cánh tay tôi hạ xuống, dọc theo cơ thể.

Tôi mở mắt ra. Chỉ có mình tôi đứng giữa phòng. Tôi thấy ông Subuh ngồi điềm tĩnh, những người khác thì ngồi quanh phòng. Tôi kiểm chỗ ngồi, nhưng khi trông thấy Bapak đứng lên, tôi đến tạ ơn ông, xiết chặt tay ông để bắt tay; cho tới nay tôi còn nhớ rõ sự cố sống động và cảm động đó.

Khi tôi đến bên anh bạn Phật giáo, anh nói: “Trông anh như một thằng điên! Anh cười và cười mà không hiểu tại sao!” Thực vậy! Tôi quá vui sướng! Đó là cái „cảnh giới vui sướng“ mà tôi tìm cách đạt được với những lối thiền của Phật giáo. Cuối cùng thì tôi đã nghiệm được! Tôi chưa từng cảm thấy sung sướng cho tới lúc đó, và niềm vui đó luôn nơi mình, ngay cả những lúc bị thử thách! Thực ra, niềm vui đó đã có nơi tôi trong trạng thái tiềm ẩn, nhưng bây giờ thì tôi đã ý thức được.

Không ai đã làm gì khiến tôi tìm thấy niềm cực lạc đó. Nó không dựa trên bất cứ gì bên ngoài tôi. Nó có thể biểu hiện, thành thật mà nói, khi chúng ta quy thuận và phó thác cho sự Toàn Năng của Thượng Đế làm cho thân tâm mình rung động vì vui sướng.

Phải trở về nhà ga Lyon cho đúng giờ, tôi ra về. Nhưng Chúa ơi, tôi đã lỡ mất chuyến xe chỉ cách đó vài phút! Chuyến xe tới chỉ khởi hành sáng hôm sau. Tôi ăn một bánh mì kẹp nhân, uống nửa trái nước trái cây, rồi ngủ trên một chiếc ghế dài trong phòng chờ xe (sưởi ấm, may thay). Lúc sáng sớm,

một chuyện khó chịu khác: một viên cảnh sát đánh thức tôi dậy, đòi hỏi xem giấy tờ của tôi, và muốn biết tại sao tôi có mặt nơi đây. Thật hết chuyện! Cuối cùng thì tôi lên xe lửa, rồi đạp xe về nhà.

Khi tôi về tới Montigny, Renee ra đón: "Kể cho em nghe coi." Tôi kể lại tất cả. Renee nghĩ: "Cha này khủng rồi, hẳn bị thôi miên."

- Thôi đi cha, Rene nói, đừng cười nữa!

Nhà tôi được khai mở

Một vài ngày sau khi tôi được khai mở, ngay lúc tôi đi ngủ, Renee chợt nói: “Thế nào, anh truyền cho em sự giao tiếp đó đi chứ – Có gì là khó! Em chỉ việc đứng đó, đừng suy nghĩ gì, mà chỉ việc để cho xảy ra từ tâm hồn những động tác này nọ, em sẽ thấy thực sự là vậy. Nhất là đừng lo sợ, chỉ việc quy thuận Thượng Đế. Nào, hãy bắt đầu.” Tôi tập latihan mà không tìm cách ảnh hưởng tới Renee. Latihan kéo dài trong 30 phút, như thường được làm. Sau một lúc im lặng, tôi nói với Renee: “Sao, em có cảm thấy gì không? - Ban đầu thì chẳng thấy gì hết, và sau một lúc em tự nói với mình; hoàn toàn không có gì hết. Ngay lúc đó, có lẽ em đã bớt căng thẳng; chợt nhiên, cánh tay phải em đưa lên. Em tự nói với mình: Có chuyện đó sao! Em dùng sức hạ cánh tay xuống, nhưng nó lại đưa lên; tới lúc đó thì anh nói „xong rồi.” Đêm sau đó, Renee thấy đau đớn cánh tay, vì đã dùng sức chống lại cử động đó.

Ba ngày sau đó, tôi mời Renee tiếp tục tập latihan. Lần này thì Renee phục tòng, hoàn toàn không lo sợ. Một điều ngạc nhiên khác: được giáo dục trong một môi trường vô thần, Renee nhận thấy hai cánh tay mình đưa lên đặt trước ngực, không do ý chí và cố gắng. Lần này thì nhà tôi để cho Nguồn Đại Lực (hay Thánh Linh) tác động. Hai tay chấp lại, Renee

cúi xuống phía trước, không chút lo sợ! Latihan xong, Renee hỏi tôi những cử chỉ đó có nghĩa gì. Tôi nói: “Đó là những cử chỉ của cầu nguyện và quy thuận – Thì ra là vậy!” Renee chấp nhận điều đó, ngạc nhiên vì được khiến cho cầu nguyện vì chưa bao giờ đã cầu nguyện.

Vui mừng vì biến cố đó, tôi viết thư cho Hubert A ở Paris là mình đã khai mở cho bà xã. Này, đừng làm vậy! Tôi nhận được ngay thư hồi đáp: “Đàn ông không được phép khai mở cho đàn bà, dù là vợ mình. Trong Subud đàn ông lo cho đàn ông, và đàn bà lo cho đàn bà. Vợ anh phải đến Paris tại nhà bà H., một phụ tá của Bapak, để được khai mở như thường, theo điều Bapak đã tiếp nhận.”

Nên Renee đến Paris để được khai mở theo những điều lệ mà Bapak đã tiếp nhận.

Sau này, tôi hiểu được tại sao lại phải tách biệt trong latihan đàn ông với đàn bà (Bapak là người đầu tiên tiếp nhận được điều đó).

Theo lời khuyên đó, chúng tôi không còn tập latihan chung với nhau nữa.

Chúng tôi tập 2 lần mỗi tuần; mỗi tháng một lần tôi tới Paris tập, nơi chỉ có 4 hay 5 người

Pierre được khai mở

Tôi đã từng tập môn Hatha-Yoga trong lúc đi tìm sự im lặng của nội tâm. Pierre là một trong những học trò của tôi trong môn thể dục và nhu đạo, lúc đó cậu khoảng 18-19 tuổi).

- Điều thầy nói vừa rồi trong lúc tập nhu đạo là đúng?

- Thầy đã nói gì?

- Có thể làm cho tư tưởng ngưng hoạt động để trở nên hoàn toàn trống không?

- Pierre, cái đó không là nói láo! Đúng y hệt là vậy! Dù sao thì chỉ là trải nghiệm của thầy.

Vài ngày sau đó, Pierre đến nhà tôi trong lúc tôi trở về từ Paris sau khi được khai mở. Tất nhiên, tôi phải nói cho Pierre hay về Subud. Khi tôi thuật lại trải nghiệm tuyệt vời của mình với Bapak, cậu nói: "Đó đúng y chang là điều em đang đi tìm."

Một vài ngày sau đó, tôi khai mở cho cậu. Tôi không biết là trong Subud chỉ có những phụ tá của Bapak là có trách nhiệm làm chứng cho sự việc truyền thụ sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế, theo chỉ thị của Bapak. Hay biết được điều

đó, các phụ tá ở Paris đến nơi chúng tôi để hợp thức hóa tình trạng đó, khiến Pierre có thể tiếp tục tập latihan.

Tháng 7 1960 tôi đi dự buổi họp đầu tiên của Subud Pháp, với sự hiện diện của Sjafrudin, một trong những phụ tá Indonesia đầu tiên của Bapak. Nhân dịp đó, tôi hỏi anh về những chứng nghiệm kì diệu của vợ chồng tôi trong 8 tháng trong Subud. Gần 2 tiếng đồng hồ, Sjafrudin giải đáp với sự minh tuệ của anh tất cả những thắc mắc do latihan của chúng tôi.

Chuyển tới Ariege

Sau khi được khai mở trong Subud, tôi giải quyết được những vấn đề còn lơ lửng từ nhiều năm. Quê quán ở Vinassan, ông cụ tôi, một thư kí của tòa thị chính, đã phải rời bỏ ngôi làng nhỏ bé đó của miền Nam nước Pháp, để tới định cư tại Villenauxe-la-Grande. Tôi luôn luyện tiếng miền Nam, trong lúc dạy học tại Gurcy. Trong 10 năm, mỗi năm tôi đều làm đơn xin chuyển về miền Nam.

Trong năm 1960, đơn xin chuyển của tôi được chấp nhận. Tin đó đến lúc tháng 7, Renee hỏi: "Anh sẽ làm gì? - Chẳng có gì phức tạp, anh đến Ariege để nhìn xem nơi chốn và kiếm một nơi ăn chốn ở." Đeo một túi đựng sau lưng, tôi lấy chuyến xe lửa tới Lavelanet, và ngay khi tới đó, tôi dựng một túp lều trên một khu đất gần ngôi trường là nơi làm việc trong tháng tới. Không phải bằng xe đạp, mà là đi bộ tôi đi tìm một nơi ăn chốn ở cho vợ con mình. Sau 4 ngày tìm kiếm, tôi tìm thấy một ngôi nhà cho thuê gần trường học Benaix, không mắc tiền: 50 fr. mỗi tháng. Đó là một sự may mắn trong năm 1960, một bằng chứng về tính kiên trì của tôi.

Tháng 9 chúng tôi đến Benaix, trên một cao độ 663m, cách Lavelanet 4km, một thành phố gồm 12000 dân cư. Tôi hỏi Renee có thích nơi chốn đó không, tuy vắng vẻ (hồi đó chưa

có xe hơi, chưa có điện thoại). Tôi vui mừng khi nhà tôi đáp: "Phong cảnh thật đẹp, em cảm thấy yên ổn khi ngắm nhìn những ngọn núi." Renee chấp nhận sinh sống tại Benaix, và còn ngay cả có ý cho xây cất một căn nhà. Tôi yên tâm, và đồng thời đó cũng là điều xác nhận ý định của tôi là phải có một căn nhà cho chúng tôi, bởi Renee nói: "Nếu anh chết, và điều này không sớm thì muộn xảy ra cho mọi người, vợ con anh sẽ có một mái nhà che thân, không phải ra nằm ngoài đầu đường xó chợ."

Xa cách mọi nhóm Subud, tôi lập cho mình một thời khóa biểu mỗi tuần tập 2 latihan, Thứ Hai và Thứ Năm; dù bất cứ gì xảy ra, tôi luôn tập đúng giờ trong phòng, để tiếp tục được thanh lọc và không bỏ mất sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Và Thượng Đế đã hướng dẫn tôi. Một hôm nọ, trong lúc đi tìm một khu đất có thể xây cất, tôi gặp ông xã trưởng đang chặn bò. Ông hỏi tôi có thích Benaix không, tôi nói là có, rồi đề cập tới việc mình tìm kiếm. Ông nói: "Tôi muốn bán một khu đất, trên đó có cả nước nôi." Ngay sau đó, ông chỉ cho tôi nơi đó, rồi Renee tới đó xem. Ông đòi chúng tôi cho biết ý định một tuần sau đó. Đề nghị của ông hợp lí, dù sao thì cũng phải suy tính. Nhưng suy tính nhiều quá về việc phải quyết định ra sao thì sẽ bị đình trệ, dậm chân tại chỗ; mình do dự, thế này là được, là không được, hay có lẽ là được...mình sẽ căng thẳng, bị vấp té. Thế nên, điều quý báu là có thể làm cho yên lặng mọi xôn xao của trí óc, để đặt câu hỏi cho nội tâm mà nghe giải đáp của nó. Tôi tiếp nhận được: "Cứ việc mua khu đất đó để xây cất một căn nhà cần có." Tôi bàn luận với nhà tôi, và bởi đã thích nghi với đồi núi, với một khung cảnh mới mẻ của thiên nhiên, nên Renee cũng khuyên tôi nên mua. Vụ mua bán đó được chứng rõ trước một công chứng viên trong tuần sau đó. Bởi nó nằm trên dốc nên phải san bằng: tôi sẵn áo tay lên để làm việc đó với một cái cuốc, một cái xẻng, vì không có tiền để mua một máy ủi. Mỗi khi rảnh tôi làm việc san bằng đất.

Về mặt nghề nghiệp cũng không là 'dễ như chơi'. Thích nghi với những học trò mới (từ 14 tới 17 tuổi) thật khó khăn

kinh khủng. Tôi phải lo mọi chuyện: thể dục, trượt tuyết, nhu đạo vv...Hơn nữa, tôi luôn làm việc ngoài trời, và khi mưa thì phải vào một nơi bụi bặm, chật chội cho những lớp học gồm 60 học sinh. Nên tôi cảm thấy sức khỏe mình suy yếu. Thay vì nghỉ ngơi, tôi lại còn phải chuẩn bị khu đất cho căn nhà sẽ được xây cất. Tháng 5 1963, tuy mệt mỏi tôi tự nói với mình: "Tới kỳ nghỉ hè thì mình sẽ nghỉ mệt..." Nhưng tôi đã lạm dụng sức khỏe mình, có lẽ vì kiêu ngạo. Tôi không thể từ chối, khi các học trò yêu cầu tôi mỗi Thứ Bảy dạy cho chúng nhu đạo hay trượt tuyết. Những đứa trẻ đó là trường hợp mà xã hội phải săn sóc, nên vì tình cảm mình tôi thường xuyên bên cạnh chúng.

Một Thứ Bảy nọ, trong lúc dạy nhu đạo, tôi chợt chóng mặt; tôi không nói gì hết và ngồi xuống. Nội tâm an tịnh, tôi tiếp nhận được mình không thể tiếp tục làm như vậy. Tôi vô cùng mệt mỏi. Hôm đó đi xe đạp từ Lavelanet cách Benaix 4km, tôi mất đến 2 tiếng đồng hồ, thông thường thì chỉ là 10 tới 15 phút. Tôi không muốn Renee thấy mình mệt mỏi. Nhưng không thể giấu giếm bất cứ gì với Renee; nói không thể là không đúng, phải nói là rất khó. Nên Renee lo lắng khuyên tôi đi khám bệnh; tôi nói: "Không sao hết." Nhưng một anh bạn, chủ tịch một hội nhu đạo, cũng nhận thấy vẻ mặt tôi có gì đó không ổn, nên làm mọi cách để tôi chịu chụp phổi bằng X quang, vì tôi hay ho. Chụp phổi cho thấy một vết rách phía trên cùng phổi bên phải không còn kín nữa: điều đó khiến tôi phải nghỉ mọi công việc, phải nằm giường và dùng trụ sinh. Lần này tôi thấy mình vui vẻ nằm trên giường, vì chưa từng bị kiệt sức như vậy. Đương nhiên, người ta đề nghị tôi vào bệnh viện, nhưng tôi từ chối và nói rõ là mình cảm thấy thoải mái hơn bên cạnh vợ con. Ban đầu tôi chịu dùng những thuốc men mà bác sĩ cho toa. Nhưng điều đó không được bao lâu, và không nói gì hết, tôi hạn chế dùng vì cảm thấy những tác động thứ cấp của thuốc làm cho bao tử mình bị trục trặc.

Tôi bắt đầu cảm thấy bị cô lập, và khi đọc trong tờ Bản Tin của Subud Pháp là có một nhóm ở Carcassonne, tôi tới đó.

Tôi thất vọng vì nhóm đó pha trộn Subud với những lối tu tập khác như yoga, thiền định, những thuật định tưởng, và theo tôi thì họ bàn tán rất nhiều, và nhất là không có latihan! Tôi đến để tập một latihan nhóm...Tôi thất vọng ra về. Nên tôi đi tìm nhóm Marseille, cách 450km! Người ta nồng nhiệt đón tiếp tôi; tôi có thể rút cục tập một latihan nhóm. Tuy xa cách, tôi đi tập mỗi tháng một lần.

Tôi tiếp tục tập theo những lời khuyên của Bapak: từ 30 tới 45 phút, 2 lần mỗi tuần với nhóm, và một lần một mình ở nhà. Đó là một lối tu tập dễ theo, vì không phải học hỏi, bèn học vực một thuyết nào đó, cóp nhật những người khác, tuân theo một tôn sư dạy cho mình cách được bình an và hạnh phúc. Cũng không cần phải xa lánh vợ con, công ăn việc làm bạn bè, nhà cửa, để đến sống trong một tu viện, hay xa lánh thế gian như một ẩn sĩ. Và cũng không bắt buộc phải theo một tôn giáo đặc biệt nào đó, mà chỉ việc theo tôn giáo nào mình thấy là cần thiết.

Trong 12 năm, tôi chân thành đều đặn tập latihan, tập một mình ở Benaix vì không có một nhóm Subud nào gần đó. Mỗi tháng một lần, tôi đến Marseille hay Barcelone. Tôi đi dự những hội nghị quốc gia hàng năm, vân vân. Nhất là đọc những nói chuyện của Bapak trong đó Bapak cắt nghĩa những lợi ích của latihan và những khó khăn có thể gặp phải.

Tuy thế, tôi tự nói với mình: "Nhận được cái ân huệ, sự an lạc tuyệt vời này (tuy còn bệnh tật) để làm gì, nếu chỉ là cho riêng mình và Renee?" Tôi hỏi các phụ tá ở Paris là mình có thể được đề nghị làm phụ tá của Bapak không, vì trong đáy lòng tôi nghe thấy một tiếng nói: "Người sẽ lành bệnh, và một ngày nào đó, nhờ Thượng Đế, sẽ lập nên một nhóm Subud ở Benaix."

Yêu cầu của tôi không được chấp nhận. Không thể đề cử làm phụ tá một người mắc bệnh.

Quan hệ với Bapak

Bởi tôi chưa lành bệnh hẳn, nên bác sĩ khuyên tôi cho mổ phổi bên phải. Sau khi nhìn hình chụp tia X của tôi, ông bác sĩ chuyên môn của Toulouse đề nghị tôi vào bệnh viện. "Nhưng sau khi mổ, tôi có bị lại không? - Sẽ bị lại nếu bất cẩn." Tôi quyết định chờ đợi. Trở về nhà tôi tự làm trắc nghiệm, để coi xem mình có phải mổ hay không. Kết quả: không nên mổ. Quyết định của tôi làm cho gia đình mình tức giận vì muốn cho tôi lành bệnh.

Vẫn còn liên lạc với hội Subud vùng Paris, tôi hay tin Bapak sẽ ghé qua Marseille. Tôi đến đó tập latihan.

Tôi xin được gặp Bapak (điều có thể làm hồi đó). Không chỉ có tôi, bởi theo tôi, đến gần Bapak để hỏi ý kiến của Bapak là một đặc ân. Mas Usman và Luthfi Abeille thông ngôn. Tôi hỏi Bapak: "Tôi bị bệnh phổi, và theo chỉ thị của bác sĩ thì phải cho mổ phổi?" Bapak im lặng thâm sâu rồi nói: "Không nên mổ, nhưng bạn cứ chuyên cần tập latihan thì sẽ lành bệnh." Tôi nhiệt tình tạ ơn Bapak, rất vui mừng vì cuộc nói chuyện đó. Phải biết là Bapak không chống lại phẫu thuật nếu cần thiết, và đôi khi còn khuyên cho mổ (sự khéo léo của một nhà phẫu thuật, hay sự chẩn đoán của bác sĩ, cũng có thể được Thượng Đế hướng dẫn).

Tôi theo lời khuyên quý báu đó, và hiện nay còn có thể tạ

ơn Bapak và Thượng Đế là đã tránh cho mình phải mổ, vì tôi đã có thể không những không lành bệnh, mà còn phải chịu thêm những đau đớn do đó.

Nhờ latihan và một lối sống điều độ, không làm những gì bất cần, tôi lấy lại được một sức khỏe rạng rỡ. Trước khi lành bệnh và nhận thấy sức khỏe mình suy kém, tôi tự hỏi không biết có tiếp tục hành nghề giáo viên thể thao và thể dục hay không. Tôi viết thư cho Bapak về trường hợp mình. Một tháng sau, tôi nhận được hồi đáp: "Phải có sức mới làm nghề giáo viên thể thao và thể dục được, nên người ta sẽ cho bạn làm một công việc văn phòng." Tin đó không khiến tôi vui hửng: không được chuyên môn đào tạo thích đáng, tôi không thấy được như thế nào mình có thể tìm được một công việc văn phòng, và nhất là phải suốt ngày ngồi giữa 4 bức tường. Không là tôi không tin hồi đáp của Bapak nhưng...tôi lấy làm thật bối rối.

Nhưng những gì xảy ra sau đó đã cho thấy được bằng chứng sự tiếp nhận của Bapak là thật cho công ăn việc làm mới của mình.

Trong lúc còn mang bệnh, tôi thường nằm mơ thấy mình vừa đi trên những tuyến một đường sắt, vừa đi tìm một con đường theo đó có một xe lửa. Điều đó tiếp tục khoảng 2 năm, và những giấc mơ đó đã thay đổi: tôi phải lên một chuyến xe và có dư thời gian; giấc mơ trở nên rõ rệt hơn: tôi đứng tại nhà ga nhìn xem giờ nào xe sẽ chạy. Vài tháng trước khi được cho đi làm lại ở Bộ Giáo Dục, tôi nằm mơ thấy mình lên một chuyến xe rất dài. Sáng hôm sau, tôi nói với Renee: "Đúng rồi! Giấc mơ đó chỉ cho thấy anh sẽ nhận được một công việc văn phòng của nhà nước."

Ngay sau khi nhận được hồi đáp của Bapak, tôi trình bày trường hợp mình cho những cơ quan của Bộ Thể Thao Thể Dục mà mình làm việc cho trước khi mắc bệnh. Theo lời khuyên của y sĩ, tôi cố nài người ta kiếm cho mình một công việc thích hợp.

Tháng 9 1968, tôi hay được là người ta đã kiếm cho mình một công việc tại Bộ Thanh Niên và Thể Thao ở Foix. Tôi kinh ngạc chứ không ngạc nhiên. Tôi tạ ơn Thượng Đế là cho mình có thể đi làm lại như mọi người, bởi tôi thấy khó chịu bị thiên hạ coi mình là bệnh hoạn và nói với mình: "Anh về hưu đi!"

Một tuần trước khi đi làm lại, tôi đến trình diện ông giám đốc, ông đã biết tôi sẽ đến làm, và làm quen với các đồng nghiệp, họ đều ngạc nhiên. Ông nói: "Tôi không biết cho anh làm việc tại chỗ nào, vì bây giờ không còn chỗ trống nào." Được tiếp đón thiếu thiện cảm, tôi thấy cuộc tiếp xúc lần đầu đó không mấy khích lệ. Tôi u sầu ra về. Hôm đó là ngày tập latihan, Thượng Đế làm yên những lo lắng của tôi. Tôi bình tĩnh chờ đợi ngày nhận được một việc làm.

Một tuần lễ sau đó, ngày 17 tháng 9 khi đến phía trước những văn phòng của Bộ Thanh Niên và Thể Thao, tôi hồi hộp nhận thấy những tòa nhà cháy đen! Trước đó, một thợ đặt ống làm cho khí đốt thoát ra ngoài gây hỏa hoạn. Khí đốt nổ nửa tiếng đồng hồ trước khi các nhân viên tới. Nên tôi thành một kẻ đi dọn dẹp trong nhiều ngày. Nhiều văn phòng mới được lập nên trong một tòa nhà vừa xây cất. Người ta dành một văn phòng cho riêng tôi (thật không ngờ!). Nhờ hỏa hoạn, tôi có chỗ làm việc!

Tôi vui mừng vì được đi làm trở lại, nhưng không mấy hứng thú trong một văn phòng với những công việc bạc bẽo nhất. Không được chuẩn bị cho những nhiệm vụ hành chánh, nên tôi đã phải thích nghi một cách cực nhọc (phải mất 2 năm mới làm việc được trôi chảy). Quan hệ của tôi với những người chung quanh mình trở nên khá hơn. Tôi làm việc trong 17 năm cho tới lúc về hưu.

Khi tôi về hưu, ông giám đốc khen: "Một giáo viên xuất sắc, tận tâm và có lương tâm chức nghiệp, trở thành một gương mẫu trong nghề dạy học về mọi khía cạnh. Được điểm: 100/100:"

Có một chuyện khiến ngạc nhiên, 6 tháng sau khi tôi ra đi, là nơi tôi làm việc được dọn tới nơi xảy ra hỏa hoạn, 17 năm trước đó.

Lễ cưới tại nhà thờ

Từ lúc chúng tôi đến Benaix, tôi theo đạo Phật, mỗi ngày đều tụng niệm những nguyên tắc đạo đức cho cuộc sống; tôi tuân hành những lời khuyên của Đại Đức Rahula mà tôi đến gặp tại Paris trong năm 1952, để nhận được „nơi nương tựa, cứu độ và những nguyên tắc đạo đức.“ Trong dịp đó, tôi quỳ trên đầu gối, hai tay chắp lại, và lặp lại các nguyên tắc sau khi ông đọc. Sau khi ông nói: „Tôi cố gắng không sát hại bất cứ sinh linh nào“, tôi hỏi: “Đại Đức, nếu bị muỗi chích, tôi phải làm gì?” Ông vừa cười vừa đáp: “Nếu anh giết nó, thì mỗi ngày lặp lại nguyên tắc không được sát hại để làm gì? Chỉ việc đuổi nó đi.”

Một hôm nọ, một nhà tu Thiên Chúa giáo từ Toulouse đến Benaix để làm lễ đại xá. Điều quái lạ, trong số những người Công giáo của làng, là không ai chịu cho ông ở trọ. Sau khi tôi bàn luận với Renee, chúng tôi đề nghị cho ông nương trú; ông chấp nhận, nên chúng tôi sắp xếp cho ông một căn phòng cho ông thoải mái ở. Chúng tôi lập tức có một mối liên hệ tốt đẹp với ông cha dòng Cứu Thế đó. Buổi tối, ở nhà, chúng tôi chuyện trò dài lâu, và ông hay được là chúng tôi không theo đạo; Renee và Gerard đã không được rửa tội và chúng tôi đã không làm lễ cưới tại nhà thờ.

Trong lúc lưu trú (khoảng 10 ngày) ông làm cho chúng tôi quy đạo, khiến chúng tôi quyết định làm lễ cưới tại nhà thờ. Ngay hôm đó, Renee và Gerard nhận được lễ rửa tội (1962). Buổi lễ xảy ra tại nhà thờ Benaix, trong sự giản dị, với sự hiện diện của vài hội viên Subud được mời tới dự. Khi làm lễ, ông cha xứ cảm động tới nỗi muốn khóc.

Sau sự quy đạo khiến cảm động đó, tôi đi nhà thờ, không là vì mình bị lôi kéo, mà vì do sự thúc đẩy của nội tâm. Ban đầu, tôi đi dự lễ luôn trong thế đứng, bởi không biết chút gì về các nghi lễ Công giáo, những cái mà tôi thấy khó theo. 20 năm sau, tôi chỉ đi dự lúc có đại lễ. Renee thành một kẻ nhiệt tình sùng đạo, khiến phải nhiều lần nói: "Nhà thờ là xứ sở tôi." Hiện nay, tôi thường đi nhà thờ; Thượng Đế đã giúp tôi hiểu được Phúc Âm, đặc biệt là 8 điều lành¹ và sự hiểu biết đó chỉ riêng cho tôi. Latihan kedjiwaan của Subud là một thuật khiến cho hiểu được ý nghĩa của những giáo lý. Thế nên, tôi có thể đi nhà thờ mà không cảm thấy bị ép buộc. Subud chứa đựng thực chất của mọi tôn giáo. Bởi nối kết với một Thượng Đế thông suốt mọi việc, latihan có thể khiến chúng ta hiểu biết, đặc biệt là hiểu biết về tôn giáo.

Một người Thiên Chúa giáo hiểu được Giê-Su, khi người nói: "Đấng duy nhất mà ta phụng thờ là Thượng Đế." Một người Hồi giáo hiểu được surah đầu tiên của kinh Quran: "Chúa là Đấng chúng con phụng thờ, là Đấng chúng con cầu cứu." Vậy nên, ta dễ hiểu được latihan của Subud khiến cho đức tin được củng cố của những ai theo bất cứ tôn giáo nào,

1 Tám điều lành trong bài Giảng trên Núi của Giê-Su: 1) Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ; 2) Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp; 3) Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an; 4) Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng; 5) Phúc thay ai xót thương người, vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương; 6) Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa; 7) Phúc thay ai xây dựng hoà bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa; 8) Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính, vì Nước Trời là của họ.

bởi Subud là thực chất của mọi tôn giáo, chấp nhận nguồn gốc của mọi tôn giáo.

Trên kia tôi viết về việc mình quy đạo, nhưng thực ra là tôi đã quy phục Thượng Đế trước khi đi nhà thờ, nên đó không là đổi một tín ngưỡng này theo một tín ngưỡng khác, mà chỉ là khiến mình nhận thức được, do kinh nghiệm của chính mình, nội dung của Giáo Hội Thiên Chúa giáo.

Quan hệ với Giáo Hội

Ông cha xứ mỗi tháng đến Benaix để hành đạo; ông đôi khi yêu cầu tôi đọc những thánh ngôn của ngày Chủ Nhật trước mặt các tín đồ. Trong lúc đọc, tôi thường hiểu được chân nội dung của những gì mình đọc, và cảm thấy khuôn mặt mình trở nên rất nghiêm trang. Nhà tôi ngồi nghe, sau đó nói với tôi: "Khi anh đọc, khuôn mặt anh thay đổi, giọng nói anh trở nên an tĩnh."

Một lần khác, được đề cử đọc, tôi bắt đầu đọc, và bởi hiểu được những gì mình đọc, tôi cảm thấy mình hòa đồng với bức thư một tông đồ của Chúa. Giọng nói tôi trở nên mạnh bạo nhưng rất điềm tĩnh, và tôi cảm thấy mình rất nghiêm trang. Đọc tới phần cuối bức thư, tôi tiếp tục đọc nhưng với một giọng điệu khác hẳn, như mình do dự. Ông cha xứ cười nhìn tôi, rồi nói với các tín đồ hôm đó: "Anh Richard đã sung sướng trầm tư." Mọi người đều cười.

Sau buổi lễ, ông đến gặp tôi nói: "Richard, anh đừng chiếm lấy địa vị tôi!" Ngạc nhiên, tôi hỏi tại sao. Ông đáp: "Bởi vì anh chỉ được đọc thư các tông đồ; Phúc Âm thì cha xứ phải đọc." Ông chỉ cho tôi thấy sách kinh lễ. Tôi xin lỗi và hiểu tại sao mình đã do dự khi đọc Phúc Âm.

Là phụ tá của Bapak

Ngay cái latihan đầu tiên, tôi nhận được một hạnh phúc mà mình từ lâu đã đi tìm, cùng với cái khả năng ngăn chặn sự khuấy động trong lòng của những ý nghĩ và ham muốn. Tôi thường tự nói với mình: “Được như vậy để làm gì, sự an vui đó trong tâm hồn, nếu chỉ giữ lấy cho riêng mình?” Hết sức mong muốn chia sẻ cái đặc ân thần thánh đó, tôi đôi khi cảm thấy mình cần phải điện thoại cho ai đó mà nói: “Vào Subud ngay đi, bạn sẽ nhận một điều gì tuyệt vời chuyển hóa đời mình.” Nhưng chưa là phụ tá của Bapak nên tôi không được quyền khai mở cho thiên hạ.

Tôi phải đợi 11 năm nữa tôi mới thành phụ tá của Bapak.

Một linh cảm: Năm 1970, lúc bắt đầu nhịn Ramadhan lần thứ hai, ngay lúc trưa, nằm dài trên một ghế dưới bóng cây của vườn nhà, tôi tự nhiên cảm thấy một sự trống không, và nhìn thấy khuôn mặt mỉm cười của Bapak. Khuôn mặt đó trở nên nghiêm trang, một ý nghĩ xẹt qua trong đầu óc tôi: “Bapak chấp nhận cho bạn được đề cử làm phụ tá cho miền Nam nước Pháp.” Linh thị đó biến mất như khi chợt tới. Một tháng sau đó có một bức thư từ các phụ tá quốc gia của Subud Pháp: “Bapak chấp nhận cho bạn làm phụ tá.” Ngày tháng bức thư của Bapak trùng hợp với ngày tháng tôi đã biết cái tin đó. Tôi thấy đó là bằng chứng về việc không có khoảng cách trong lĩnh vực tâm linh, bởi ta có thể bắt được một ý nghĩ cách mình hàng ngàn cây số.

Thật vui mừng vì cái tin đó, tôi cảm thấy mình được trao cho một sứ mệnh thiêng liêng. Tôi cũng ý thức được trách nhiệm nặng nề của nhiệm vụ đó: tôi được quyền khai mở cho những ai những ai yêu cầu cho nhận được sự giao tiếp trong Subud.

Tôi nói tới Subud cho những bạn trẻ mà dạy môn Hatha Yoga, cho với những ai đi tìm một đường lối tâm linh chân chính. Năm 1971, tôi làm chứng cho 4 vụ khai mở nơi tư gia, rồi 4 vụ khai mở khác nơi căn nhà gỗ của em trai mình, đối diện căn nhà chúng tôi.

Hai năm sau đó, nhóm chúng tôi lập một ban quản trị, nhóm từ 4 thành 18 hội viên. Năm 1972, một người cha của 2 hội viên Subud, cho chúng tôi được quyền dùng một phòng rộng lớn trong một công xưởng, tại Villeneuve cách Benaix 4km. Nơi đó lạnh lẽo, nhưng không vì vậy mà chúng tôi không phụng thờ Thượng Đế.

Chúng tôi dùng nơi chốn đó trong 2 năm, nhưng thấy nó không thích hợp. Tôi quyết định làm prihatin, tức là trai giới mỗi Thứ Hai và Thứ Năm, từ mờ sáng cho tới chiều hôm, để cầu xin cho nhóm Subud Benaix có một hay hai phòng tập latihan, mà không lệ thuộc bất cứ ai.

Hai năm sau đó, trong năm 1975-76, trong lúc tôi cùng Renee tới Rome, thì một huynh đệ Subud có thể thuê một căn nhà cách nơi chúng tôi 50m: một biển cố rất có lợi cho sự phát triển của nhóm chúng tôi. Cầu xin của mình được đáp ứng, tôi thôi trai giới.

Chuyện đó khiến tôi một lần nữa hiểu được rằng ta cũng nên tiết chế để đạt được một sự cầu xin chính đáng. Ta sẽ đạt được, nhưng sẽ không được gì nếu không chân thành cố gắng.

Thực vậy, đôi khi cần phải tiết dục: ăn ngủ, làm tình. Điều đó đòi hỏi một sự mãnh liệt của nội tâm tùy theo khả năng

mình, và cũng phải hiểu được chính mình. Ta nhận thấy mình phải trải qua những khó khăn, nhưng đó là điều cần phải có để được thanh lọc.

Trong căn nhà cho Subud đó, chúng tôi có thể dùng 2 phòng cho latihan, và sau đó là cho những lúc cuối tuần và nghỉ hè. Điều đó khiến chúng tôi phần nào thanh toán được tiền thuê nhà, tiền bảo giữ và sửa sang nhà. Căn nhà đó còn được dùng cho việc tập latihan. Vừa rồi, có 5 nam và 4 nữ hội viên mỗi người đem chuyên môn của mình trong lúc cuối tuần, để làm đẹp thêm cho phòng tập latihan.

Như vậy, Benaix trở thành một trung tâm nhỏ bé cho kỳ nghỉ hè; mọi người cũng có thể thuê mượn căn nhà nghỉ mát của cô em dâu tôi. Tổng cộng, căn nhà cho Subud, căn nhà chúng tôi và căn nhà nghỉ mát, khiến chúng tôi có thể cho khoảng 30 người tạm trú. Renee cùng tôi, có thể nói vậy, là những viên quản lý làm không công của nơi chốn.

Từ 1974 tới 1976 có thêm 17 hội viên được khai mở (cả nam lẫn nữ). Thêm 9 vụ khai mở từ 1977 tới 1996.

Có thêm 3 phụ tá và sau đó là một phụ tá thứ tư.

Trong 8 năm, tôi giữ chức vụ phụ tá vùng, 8 năm sau đó, chức vụ phụ tá quốc gia của Subud Pháp. Từ năm 2001, tôi lại làm phụ tá vùng Đông Nam.

Vài hội viên đã bỏ tập, những người khác thì thay đổi chốn ở. Tại Ariege, hai huynh đệ làm việc chung với tôi ở Foix đã đi nơi khác, nên nhóm chúng tôi bị giảm thiểu và phân tán. Như lúc ban đầu trong 12 năm, tôi thường phải tập latihan một mình. Nhóm vùng chúng tôi mỗi tháng hội họp tại căn nhà cho Subud ở Benaix. Năm 2003, nhóm khoảng hơn 20 hội viên, trong đó có 5 phụ tá nam, 4 phụ tá nữ, một hội đồng với một hội trưởng, một thủ quỹ, một thư kí và một nhân viên tổ chức những buổi hội họp.

Tôi nhận thấy, nhờ chuyên cần và chân thành tập latihan kedjiwaan của Subud, kể từ lúc chân tâm mình thức tỉnh trong năm 1959, tôi đã có thể tìm thấy tất cả những gì mình cần cuộc cho sống mình và gia đình mình, cho sự phát triển của nhóm Subud. Tôi đã hành động với lòng tin, lòng can đảm và kiên trì, nhất là trong những lúc khó khăn nhất. Tôi thường tạ ơn Thượng Đế là đã ban cho mình Ân Tứ khiến tiếp nhận được trong nội tâm một cách bất ngờ. Từ mấy lúc nay, ban đêm, khoảng 3 tới 4 giờ, tôi thức dậy để nghe thấy mình tụng niệm trong tâm hồn: Allahu Akbar (Thượng Đế là Toàn Năng) điều đó kéo dài khoảng vài phút: tôi cảm thấy an tĩnh lạ thường, rồi ngủ tiếp.

Được dẫn vào Subud như thế nào?

Về phần mình, tôi vào Subud sau khi đọc cuốn „Subud The Great Life Force“ của John Bennett.

Điều ngạc nhiên nhất với tôi là Monique đã bắt nờ xin vào Subud lúc 18 tuổi. Trong lúc đang đọc sách báo nơi buồng ngoài, tôi nghe thấy Monique nói với bà mẹ mình: “Má, vào Subud thì phải làm gì?” Tôi không thể tin điều mình nghe thấy! Tới lúc đó, khi tôi nói tới Subud, Monique chống đối: “Con sẽ không bao giờ vào Subud.” Tôi đứng dậy, đi vào nhà bếp nói với Monique: “Con nói gì vậy?” “Đúng vậy bố, con muốn vào Subud.” Bởi Renee chưa là phụ tá, tôi nói với Monique: “Chuyện đó thì dễ thôi, con viết thư cho Isabella C.” Chị Isabella là một phụ tá quốc gia ở Paris, chị mỗi năm đến nghỉ hè tại Benaix. Isabella cùng với Rashad B đến, kể cả Brodjo (phụ tá đầu tiên của Bapak) và bà vợ. Monique được khai mở cùng với mẹ cháu trong năm 1972.

Nơi công sở

Năm 1975 tôi làm việc tại Bộ Thể Thao Thanh Thiếu Niên tại Foix, và trách nhiệm của tôi là tổ chức những khóa thi cho học sinh của tỉnh. Công việc đó hệ trọng từ tháng 3 cho tới cuối tháng 7, khi tôi phải chuyển điểm thi tới Viện Hàn Lâm. Tôi làm việc một mình trong một văn phòng, đưa các thư tín cho hai nhân viên đánh chữ tại một văn phòng khác.

Tôi đặc biệt không cần một nhân viên đánh máy làm việc toàn thời gian cho những gì mình làm. Tôi lấy làm ngạc nhiên vì trước đó có một dấu hiệu trước lúc Hội nghị Thế giới là người ta sẽ phái tới cho mình một nữ nhân viên đánh máy. Ông giám đốc yêu cầu tôi cho ông hay về những sinh hoạt của tôi, để cô có thể đáp ứng những nhu cầu của công sở lúc tôi vắng mặt. Nhờ vậy mà đèn xanh đã bật cho tôi đến Indonesia.

Ông giám đốc biết tôi phải đi dự một Hội nghị Thế giới của một hội tâm linh. Một hôm nọ trong văn phòng, trong lúc giải lao, tôi yên ổn ngồi đọc cuốn Susila Budhi Dharma của Bapak. Ông giám đốc bước vào, đến đứng sau tôi đọc một vài hàng, rồi đi ra ngoài, tay chấp lại, vừa cười vừa nói: "Tôi không muốn phá đám lúc ông thầy tu phi tôn giáo của tôi đang đọc kinh." Tôi nhìn ông cùng cười với ông. Tôi vui mừng vì kết cục của vấn đề xin nghỉ phép, bởi tôi có thể yên lành đi dự hội nghị mà không gây hại cho công sở. Tôi thấy đó là một

dấu hiệu của Thượng Đế. Tôi tạ ơn ông Trời, bởi khi trở về nước từ Cilindak, tôi ngạc nhiên thấy một tuần lễ sau đó cô thư kí đánh máy đi làm một công việc khác. Thật không ngờ! Cô đã đặc biệt làm thay cho tôi để tôi có thể đi dự hội nghị?

Vài tháng sau đó, trong lúc chỉ có mình tôi trong văn phòng, tôi thấy một anh nọ đến trình diện. Anh nói rằng mình cuối cùng đã được chuyển tới Foix, điều anh đợi chờ từ 7 năm nay, và mỗi năm anh đã phải làm đơn xin chuyển. Là một giáo viên thể dục và thể thao, anh đến làm việc với chúng tôi, vai trò của anh là trông coi những trung tâm thể thao. Anh ngồi xuống để điền một vài tờ đơn, và khi đi ra ngoài anh nói với tôi: "Đây quả thực là lần đầu tôi gặp một người điền nhiên đến như vậy". Sáng hôm sau, anh lại đến, lưu lại trong một lúc, hỏi làm sao tôi được như vậy. Tôi chỉ có thể nói với anh về Subud. Anh chăm chú nghe, rồi nói là mình muốn tìm hiểu. Ngày kế tiếp ngày hôm sau, anh đến gặp tôi hỏi làm cách nào để vào Subud. Tôi giảng giải cho anh vài điều, anh yêu cầu cho mình điền vào đơn xin gia nhập. Ngày hôm sau, tôi đem đơn đến cho anh. Bởi chúng tôi thường gặp nhau, nên tôi có thể giải thích cho anh thêm về latihan kedjiwaan của Subud. Ba tháng sau, Robert được khai mở, anh nghiêm túc và đều đặn tập latihan. Bảy năm sau đó, anh được đề cử làm phụ tá của nhóm Benaix. Như vậy thì chúng tôi có hai phụ tá nơi văn phòng.

Một thời gian sau đó, một viên giám thị đến công sở chúng tôi. Anh còn trẻ, gốc vùng Bretagne, và cũng như Robert anh đã trong nghề được 8 năm. Hoàn cảnh khiến cho cô thư kí đánh máy của anh đôi khi cũng đánh máy cho tôi. Cô hút thuốc rất nhiều, và trong một lúc trò chuyện tôi nói với cô: "Thà hút thuốc còn hơn là tinh thần bị căng thẳng." Nửa tiếng đồng hồ sau đó, viên giám thị đó đến gặp tôi nói: "Tại sao anh lại nói với cô thư kí đánh máy là thà hút thuốc còn hơn tinh thần bị căng thẳng?" Lúng túng và ngạc nhiên vì âm vang của những gì mình nói, tôi không biết trả lời ra sao! Nhưng đòi hỏi một câu trả lời. Rút cuộc tôi nói: "Tôi nghĩ là như vậy." Cuộc trò chuyện của chúng tôi hào hứng tới nỗi

anh mời tôi đến văn phòng để nói về Subud (tự nhiên là vậy!) Anh có vẻ chú ý nghe, và mời tôi tuần tới đến dùng bữa tại nhà anh. Tôi cùng Rene tới đó; anh đón tiếp chúng tôi với cô vợ trẻ của anh (anh vừa mới cưới) Đương nhiên, chúng tôi lại trò chuyện về latihan kedjiwaan của Subud, và ngay tối hôm đó anh điền vào tờ đơn xin gia nhập (mà tôi đã thận trọng mang theo) Điều này thành thói quen: tuần này họ tới Benaix thì tuần tới chúng tôi tới nơi họ. Ba tháng sau đó, anh nhận được sự tiếp giao với quyền năng của Thượng Đế, và cảm nhận được sự chấn động của latihan kedjiwaan. Điều ngạc nhiên nhất trong vụ này là có 3 hội viên Subud nơi văn phòng. Tôi thuật lại chuyện đó là Thượng Đế hướng dẫn những ai phải vào Subud, và đó là điều thường khiến chúng ta rất ngạc nhiên và vui mừng.

Công sở tôi có khoảng hơn 20 người. Tất nhiên, nếu điều này tùy thuộc tôi, thì mọi người đã vào Subud. Nhưng ta không giải thích được tại sao chỉ có 2 người đến Ariege và được hướng dẫn vào Subud.

Cái tên Renaud

Vợ chồng tôi hay được có một người chị em Subud mang thai, nên một hôm họ chúng tôi đến hỏi thăm chị. Vui mừng vì chúng tôi đến, chị đón tiếp chúng tôi cùng với anh chồng chị. Trong lúc chúng tôi trò chuyện về việc chọn một cái tên cho đứa bé sắp chào đời, tôi nói: "Có thể là trong lúc an tịnh chính đứa bé trong bụng chị sẽ đề nghị tên nó." Chị cười rồi nói: "Không đâu, chính ông xã tôi đã nhận được tên của đứa bé. Ông sẽ kể cho anh nghe như thế nào." Anh chồng chị kể lại là một vài ngày trước đó anh nằm mơ thấy tôi. Trong giấc mơ đó, anh cùng tôi trong một căn phòng bên cạnh, và tôi nói với anh: "Đứa bé sắp chào đời là một đứa trai, phải đặt tên nó là Renaud." Tôi hết sức ngạc nhiên, vì đã không nghĩ gì trước đó về nó. Thế thì chỉ còn đợi xem sự thật ra sao: có thật vậy hay không, giấc mơ đó là một chỉ dẫn? 15 ngày sau đó, đứa bé mạnh khỏe chào đời. Đó là một đứa bé trai, bố mẹ nó đồng lòng đặt cho nó cái tên Renaud theo chỉ dẫn của giấc mơ.

Một tuần sau đó, người cha nó điện thoại cho chúng tôi: "Anh chị đến đây xem Renaud." Chúng tôi đến xem đứa bé. Nhân dịp đó, tôi hỏi chuyện mẹ nó, vì tôi lấy làm lạ tại sao lại chọn cái tên đó. Người mẹ nói trước giấc mơ đó vợ chồng không biết phải chọn một cái tên nào cho hợp. Khi chồng chị kể lại cho chị giấc mơ đó, họ đã hài lòng với cái tên đó. Đứa bé có vẻ vui sướng mang cái tên đó. Tôi giải thích cho anh vài điều, anh yêu cầu cho mình điền đơn xin gia nhập.

Ông cụ tôi

Trong lúc đau ốm, ông cụ tôi ở Marseille. Tôi thường cầu nguyện cho ông tới Benaix. Tháng 5 1972 đến bệnh viện thăm ông, tôi nhận thấy tình trạng trầm trọng của ông nên xin cho ông được chuyển tới nơi chúng tôi ở Benaix. Một người anh em họ mà ông cụ tôi đã không gặp từ lâu, tình cờ đến bệnh viện thăm ông. Tôi đề nghị anh lấy chiếc xe - rộng rãi và đủ tiện nghi - của anh để chở ông tới và làm một chỗ nằm cho ông trong xe.

Một tháng trước đó, lúc sáng sớm, tôi nằm mơ thấy ông trong một nhà ga rộng lớn, trên một bến hình như vô tận. Ông như muốn du hành tới một nơi xa thật là xa, và trước khi ra đi, ông nói với tôi khi chỉ vào 4 chiếc va-li cùng khổ: "Con lo liệu lấy." Tôi thấy ông đặt chân lên bậc lên xuống của một xe lửa dài vô cùng sắp khởi hành.

Khi đến nơi chúng tôi được vài ngày, ông cảm thấy đây là những giây phút cuối cùng của đời mình nên nói với tôi về di chúc của ông. Tôi không biết đích xác quan hệ của ông với 3 người em trai của tôi là như thế nào. Ông nói mình muốn truất quyền thừa kế của một trong các người em tôi vì nhiều lí do. Thấy tôi không hỏi gì ông nói: "Con không nói gì hết! Con không bằng lòng?" Ngay lúc đó, tôi nhớ tới giấc mơ; tôi kể lại nó cho ông hay và nói rằng đó là một chỉ dẫn rõ rệt: 4 chiếc va-li như nhau đó cho thấy là phải phân chia đồng đều. Sau một sự im lặng thâm sâu, ông chấp nhận giải pháp của tôi nên sửa lại di chúc. Sau khi ông mất, của cải được phân chia theo giấc mơ tôi, không gây ra tranh cãi, mỗi người nhận

được ¼ tài sản.

Khi ông đến nơi chúng tôi, bác sĩ khuyên chúng tôi trông nom ông cho kĩ, bởi những ngày tháng của ông không còn lại là bao. Nên chúng tôi thường xuyên bên đầu giường ông. Trông ông thật thể thảm. Nhà tôi và cháu Monique làm mọi cách cho cơn đau ông giảm nhẹ. Tôi vô cùng cảm động vì sự tận tâm của họ. Trong 10 ngày, ông thường van xin chúng tôi đừng đem ông trở về bệnh viện ở Marseille, nơi môi trường không hợp với mình chút nào.

Người phụ nữ sống chung với ông hồi đó và đi cùng ông tới đây đòi có một TV, nhưng chúng tôi lại không có. Ông phản đối nói: "Không được! Đây là một nhà nguyện." Không ai có ý kiến.

Nhiều lần, ông đòi gặp mẹ tôi (đã li thân từ nhiều năm). Tình cảm của tôi đối với ông trở nên sâu sắc hơn, tình cảm của một người con đối với cha mình. Tôi cảm thấy mình có trách nhiệm đối với ông.

Tôi không biết làm cách nào cho ông nhận được sự giao tiếp. Thứ Năm, theo giờ giấc thông thường, tôi đi tập latihan rồi trải nghiệm xem có nên khai mở cho ông hay không: trải nghiệm đó rất tốt. Tôi hỏi ông có muốn tiếp nhận latihan của Subud hay không. Ông nói: "Bố chẳng còn gì để làm, con cứ việc khai mở." Lúc 19 giờ 30 tôi ngồi gần ông. Sau một lúc im lặng dài lâu, ông mở mắt ra; tôi đọc tuyên ngôn khai mở, và nằm trên giường ông nói thật rõ ràng: "Tôi xin cho bắt đầu có latihan." Tôi đứng lên; latihan bắt đầu và kéo dài 45 phút. Ông tiếp nhận được sự chấn động, và điều đó khiến ông cử động. Ông xoa bóp tim, duỗi chân ra; sự hiện diện của Thượng Đế thật sống động trong phòng. Latihan xong, ông ngồi xuống, điều ông không làm được trước kia nếu không có ai giúp. Ông kéo tôi đến bên ông, ôm hôn tôi mà không nói gì, khuôn mặt thư giãn và an nhiên. Ông ngủ thiếp hầu như ngay sau đó. Với tất cả chúng tôi, trong nhà, đó là một đêm an nghỉ; chúng tôi rất cần phải nghỉ mệt, bởi từ 5 đêm qua

chúng tôi đã không thể ngủ.

Sáng hôm sau, khi đi làm về, tôi vào phòng im lặng ngồi bên giường nơi ông nằm. Sau một lúc, một sự chấn động êm dịu và vui sướng của latihan chiếm lấy tôi. Ông mở mắt ra, kéo tôi đến bên ông, ôm hôn tôi, rồi 3 lần nói với một giọng cương quyết và êm dịu, trong khi chỉ ngón tay vào tôi: "Con đây, con mới là một người cha của bố." Những nước mắt của hạnh phúc chảy xuống mắt tôi. Tôi vô cùng vui sướng và nhẹ nhõm, trong lúc cảm nghiệm giây phút kì diệu đó của sự kết hợp giữa một người cha và một người con. Tôi tạ ơn Thượng Đế đã cho mình sức lực cần có để cùng ông tập cái latihan là sự khai mở cho một cuộc sống vĩnh hằng.

Nhưng không khí trong nhà nhẹ bớt thì sức khỏe của „ông bố thành người con“ của tôi lại tồi tệ hơn. Cùng với Renee, chúng tôi phải thay phiên nhau để trông nom ông; khuôn mặt ông trở nên mờ xám và gầy ốm. Ông cha xứ đến làm những thánh lễ cuối cùng; tôi đứng bên cạnh trong trạng thái latihan. Sau thánh lễ, ông muốn ôm hôn tôi, điều đó khiến ông cha xứ chưng hửng. Một vài năm sau đó, trong lúc tôi nói chuyện với ông cha xứ về buổi lễ xúc dầu thánh đó, ông nói: "Ông già anh đã đem đến cho tôi nhiều hơn là tôi đem đến cho ông!" Năm ngày sau đó, ngày 31 tháng 5 lúc 4 giờ 30, sau một cơn hấp hối dài lâu, ông mở mắt ra, nhưng đó đã là một cái nhìn sang thế giới bên kia. Trông ông đẹp trai, đầy nguồn sáng; tôi phụng thờ Thượng Đế trong trạng thái latihan. Tôi cảm thấy Thượng Đế giải phóng mình khỏi một sự đè nén khiến ngực mình siết lại; latihan tác động mãnh liệt: các xúc động và ý nghĩ đều nằm yên. Phó thác cho latihan, ông yên bình từ biệt chúng tôi. Cùng với Renee, chúng tôi mê hồn vì cái nhìn khiến kinh ngạc đó, tới nỗi chúng tôi phải tự hỏi: "Ông đang thấy gì?" Ông hờn hờ. Chúng tôi nhìn lên trần nhà, nhưng không thấy gì với mắt mình. Renee vừa nắm lấy tay ông, vừa êm dịu khóc; tôi đi mở những cánh cửa con của phòng, lúc đó vừa mới sáng, một con gà đực gáy, những con chim ca hát, trong nhà là một sự an bình. Sự sống đã ra đi khỏi ông cụ tôi, một cách giản dị, không kèn không trống.

Tôi tạ ơn Thượng Đế đã ban ân phước của đời sống vĩnh hằng cho chúng tôi, và tránh cho chúng tôi không phải kinh hoàng và hốt hoảng. Trải nghiệm kì diệu đó củng cố đức tin ở Thượng Đế và Subud của tôi. Trong trạng thái latihan ta sẽ không sợ chết, bởi trong cái trạng thái trống không đó của nội tâm ý thức mình tiếp xúc được với cái bản chất bất diệt có nơi mỗi chúng ta.

Một năm sau đó, cùng với 3 huynh đệ Subud, tôi đi dự Hội nghị Quốc gia của Pháp tại Saint-Denis-de-Vaux. Vì đó là ngày tưởng niệm cái chết của ông cụ tôi, tôi yêu cầu chúng tôi dừng chân ở Vinassan, để đến cầu nguyện nơi phần mộ ông. Tại đó tôi làm một cái latihan ngắn, xin cho ông được yên bình và hạnh phúc tại thế giới bên kia. Tôi làm một trắc nghiệm hỏi xem ông có thực sự được như vậy hay không trên Trời. Thật đơn giản. Trong khoảng một tiếng đồng hồ, trong lúc chúng tôi lái xe tới Chalon, tôi đặt mình trong một trạng thái an bình, và ý thức được mình đang kết hợp với một người đã nói với mình 3 lần: "Con đây, con mới là một người cha của bố."

Sau này, tôi hiểu được lời nói của ông cụ mình. Thực vậy, Thánh Thư có nói là nếu người mẹ đem con lên Trời, thì người cha là người mở cửa cho con vào.

Ngay khi Hội Nghị khai mạc, tôi hết sức vui mừng khi nghe anh phụ tá quốc gia đọc một đoạn trong thông điệp của Bapak cho những người dự Hội Nghị: "Nhờ sự hiện diện của cái latihan kedjiwaan mà các bạn theo tập cho tới nay, các bạn sẽ ý thức là Thượng Đế rất gần cận bản chất mình. Thực vậy, nội dung của kedjiwaan là sự dẫn dắt của Thượng Đế Duy Nhất, khiến chúng ta cảm thấy được trạng thái của những người mà Thượng Đế đã đem lên Trời, và họ là những người trong trạng thái mà người Hà Lan gọi là „Zalis“, tức là thanh thản, an bình và vui sướng."

Tôi có bằng chứng, lúc tại Vinassan, là cái thực tại đó thật đơn giản và hiển nhiên; tôi nói đơn giản là vì cái chứng nghiệm

đó xảy ra trong trạng thái im lặng của nội tâm, không với sự tìm tòi gay go của trí tuệ. Ta có thể kết hợp với mọi người, khi nội tâm mình trống vắng không bị bất cứ gì cản trở.

Monique

Trần trề sức sống, được mọi người mến chuộng và đức tin rất mạnh ngay từ lúc còn bé, cô con gái chúng tôi xin vào Subud ngay lúc 18 tuổi (đã thuật lại) Đầu năm 1976 (lúc 21 tuổi rưỡi) cháu mắc bệnh sưng phổi, nhưng đã lành bệnh trong một thời gian kỉ lục. Cuộc sống cháu lấy lại những gì thường làm là lao động, vui thú vv...

Một vài ngày sau đó, trong lúc về nhà tối Thứ Bảy ngày 27 tháng 2, Monique rời khỏi cái thế gian này trong một tai nạn lưu thông.

Hôm tối đó, lúc đưa vào áo quan, tôi bảo Renee và Gerard đến căn nhà gỗ của em trai mình gần đó, để tránh cho họ phải chịu cái thử thách đó. Trong bếp cùng với hai anh em Subud và một vài người khác, không hiểu do đâu, tôi chợt bùng nổ, thấy tâm hồn mình như bị lấy đi tất cả những gì là ý nghĩa cho đời mình. Tôi vô cùng tuyệt vọng, gục ngã lên bàn, mất hết sức lực. Trong sự trống rỗng đó, một ý nghĩ xẹt qua trong óc tôi. Đó là một câu nói của Swami Siddhewarananda, hướng đạo tâm linh đầu tiên của tôi, trong năm 1955 tại Gretz: "Trong lúc vô cùng tuyệt vọng nếu phó mặc, ta sẽ thấy Thượng Đế." Tôi đứng lên, quần áo chỉnh tề, yêu cầu các anh Louis và Guy cùng mình bước ra ngoài. Không khí lành mạnh khiến tôi thoải mái, và sau vài bước tôi cảm thấy sự xâm nhập của latihan; Nguồn Đại Lực từ từ dâng bốc để nổi lỏng bộ ngực bị nghẽn lại do đau buồn. Ngực tôi mở ra,

tôi có thể ngáp dài mà cảm thấy mình được giải thoát. Một sự an bình thâm sâu chiếm lấy tôi, tôi trống rỗng, nhưng rất bình tĩnh và mạnh mẽ. Một lần nữa, tôi có bằng chứng là sự hiện diện của Thượng Đế khiến yên tâm, an ủi và soi sáng cho hiểu được một thực tại khó chấp nhận. Tôi nghiệm được như thế nào chúng ta chẳng có gì hết.

Một tháng sau khi Monique chết, một buổi tối mùa Đông, tôi đau khổ ngay khi đi làm về, vì chợt nghĩ tới Monique. Không muốn làm cho vợ tôi là Renee buồn, tôi đi ra ngoài. Trời rất lạnh, tôi ăn mặc ấm áp, mang bao tay và mũ trùm chỉ hở mặt. Chân tôi đưa tôi đến nghĩa địa làng, nơi chôn cất Monique. Tôi bước vào nghĩa địa, không có ai nơi đó, chỉ có tiếng gió. Tôi đến gần mộ của Monique, ngồi trên tấm lát, đợi cho tới lúc những ý nghĩ của mình lắng đọng. Xong rồi tôi đứng lên, xin Thượng Đế ban ân huệ cho Monique, để cháu vui vẻ và bình an trên Trời. Tôi cũng xin những bằng chứng về hạnh phúc của cháu. Tôi nhận thấy một sự trống không bao la, ngực tôi không còn xiết lại, thân thể thư giãn, tiếp theo là một sự bình an vô cùng. Và phép màu là một nụ cười trên môi! Thực vậy, tôi vui sướng, ngạc nhiên vì sự vui sướng đó, lúc chỉ có mình tôi trong ban đêm một mùa Đông hoàn toàn. Một lần nữa, tôi có bằng chứng là khi hoàn toàn tin cậy, chân thành và không lo sợ phó thác cho Thượng Đế, tại bất cứ đâu, ta có thể được vô cùng an vui sau một cơn đau trong đáy lòng. Toàn thân tôi cầu nguyện ca tụng Thượng Đế.

Trích dẫn một nói chuyện của Bapax:

Thực ra, khi ta chết thì không như một con chim bay ra khỏi chuồng. Không là vậy. Nếu ta đạt được những gì đòi hỏi cho cái nhân cách thâm sâu, cho linh hồn mình, thì đó như tiếp theo ban ngày là ban đêm, tiếp theo ban đêm là ban ngày.

Bapax có thể mô tả chuyện sau cái chết như sau: các bạn hiện đang sống, và khi chết, điều đó tiếp tục, nhưng theo một cách khác. Các bạn đang trong một trạng thái nào đó, và

đột nhiên mình chết, các bạn vẫn thấy mình trong trạng thái đó, nhưng hoàn toàn không như lúc trước (Bapak tỏ điều bộ bằng cách nhắm và mở mắt). Các bạn sẽ mở mắt như thế, bởi đó không là đôi mắt, mà là sự hoạt động của cái nhìn.

Do đó mà Bapak luôn nói: hãy cam lòng luôn tập latihan, bởi nhờ đó các cửa sổ sẽ mở ra. Những cửa sổ nào? Cửa sổ của mắt sẽ mở ra, kể đến là tai, mũi, miệng, tim và óc, tất cả sẽ mở ra. Khi những cái đó dần dần mở ra, các bạn sẽ nhận thức được cuộc sống sau cái chết là như thế nào, một cuộc sống đích thực.

Năm 1974, Emmanuel, một huynh đệ Subud, thuật lại những điều Bapak nói về lối cư xử của linh hồn sau cái chết:

Khi rời khỏi thể xác là nơi cư ngụ, linh hồn vẫn còn nhận biết được các thân nhân, nó nhìn thấy họ khóc, tìm cách nói chuyện với họ; nhưng không ai nhận thấy gì, vì nó không còn trong thể xác; không ai nhận thấy sự hiện hữu của nó...

Bapak thuật lại việc như thế nào một linh hồn ra đi nhận thấy mình đứng trước một con sông lớn mà nó muốn vượt qua. Linh hồn đi tìm một chiếc cầu, nhưng không tìm thấy gì. Một linh hồn khác đến bên nó, và đôi bên bắt đầu trò chuyện:

- Bạn mạnh khỏe?
- Bạn đang làm gì, linh hồn mới tới nói, nơi đây?
- Mình kiếm một chiếc cầu vì muốn qua bên kia sông.
- Ra là vậy! Bạn đã chết được bao lâu rồi?
- Khoảng một tuần.

- Thế thì mình không lấy làm ngạc nhiên là bạn không biết điều gì xảy ra nơi đây! Bây giờ bạn không còn gắn bó với cái xác phàm này, không bị nó giữ lại; nếu muốn qua bên kia sông, bạn chỉ việc nhảy qua sông là sẽ qua được.

- Nhưng con sông này quá lớn! Làm sao nhảy qua được ?
Mình sẽ rút xuống sông.

- Trời ơi, sao bạn dần độn tới như vậy!

Linh hồn thứ hai nhảy qua sông, linh hồn thứ nhất làm theo.

Bapak giải thích nếu không bị cái xác phàm này cản trở, ta có thể du hành rất nhanh, ta trở nên nhẹ nhàng như tinh thần. Nên không có cái xác phàm này bao quanh, ta có thể du hành rất nhanh.

Vậy nên, linh hồn vui sướng. Tiếp theo là nó có thể nhảy vượt qua một ngọn núi lớn trong một tích tắc đồng hồ. Nó tiếp tục du hành, và trong vòng 40 ngày nó trở về thăm gia đình. Ở Java, gia đình làm một cái 'selematan' cho linh hồn đã chết. Truyền thống selematan dựa trên một trải nghiệm tâm linh.

Chuyện gia đình tôi, đây là một chứng nghiệm của Renee: 3 năm sau khi cô con gái chúng tôi mất, Renee trông thấy Monique trong giấc mơ, trần truồng trong một chiếc áo choàng hở hang; Monique đến gần mẹ mình nói: "Con sẽ không về nữa." Nhưng một năm sau đó, trong một latihan (lúc sinh nhật của Renee) nhà tôi trông thấy từ đằng xa tóc tai, mắt mũi, rồi miệng và toàn thể khuôn mặt của Monique nhìn nghiêng, rồi nhìn thẳng. Về mặt nghiêm trang, Monique nhìn mẹ mình, không nói bất cứ gì. Sau một lúc, sự linh thị đó biến mất.

Cái chứng nghiệm đó xác nhận điều Ibu Rahayu nói với Renee vài năm trước đó: "Một ngày nào đó, có thể Monique đến gặp bạn trong lúc latihan, như mẹ Ibu đến gặp Ibu."

Trích dẫn những nói chuyện của Bapak (về Chúa Giê-Su):

...Lúc chết Giê-Su trở về Trời, mà không có bất cứ gì thay đổi trong nhân cách thâm sâu; điều có thể hiểu được nếu

so sánh với cuộc đời của Giê-Su nơi trần gian. Khi Giê-Su đi đứng, đó không là do dực vọng, mà do tác động của ý Thượng Đế. Khi Giê-Su ăn nói để khuyến khích người ta, đó không là do tim can và trí óc, mà do ý của quyền năng của Thượng Đế đã hoàn toàn nhập vào nhân cách thâm sâu, độc nhất, trong sự thánh thiện kết hợp cả bên trong lẫn bên ngoài.

New York ngày 6 tháng 5 1959

...Latihan là một sự tập luyện để chuẩn bị cái chết cho chúng ta, dạy cho chúng ta cách sống còn sau cái chết. Vậy nên, chúng ta phải dũng cảm và cương quyết. Nếu latihan là sự tập luyện để chúng ta chết, để đối diện Thượng Đế và những gì Thượng Đế muốn ở chúng ta, thì chúng ta phải can đảm chết – không là chết bất cứ lúc nào, mà là lúc Thượng Đế muốn. Do nhân cách thâm sâu của mình, Giê-Su là một biểu tượng. Khi bị đóng đinh, Giê-Su hoàn toàn quy thuận Thượng Đế. Đối diện cái chết, Giê-Su phó thác cho những gì Thượng Đế muốn ở mình, và cuối cùng là Giê-Su đã không chết, mà là tìm thấy một cuộc sống hạnh phúc tuyệt vời trên Trời.

New York ngày 24 tháng 5 1959

Như Bapak đã mô tả, Giê-Su chứng tỏ một tinh thần cao thượng ngoại lệ trong cách đi đứng và ăn nói, và đó là điều chứng thực sự trong trắng và tuân phục Thượng Đế của Giê-Su. Đến nỗi Giê-Su có thể nói với mọi người: "Các anh em phải trong trắng", bởi chính mình cũng trong trắng.

Trong tình trạng phụ tá Subud, chúng tôi nhiều khi khuyên hội viên phải trong trắng để tuân phục Thượng Đế, nhưng chúng tôi phải thành thật nhìn nhận là chính mình vẫn còn chưa được như vậy.

Đương nhiên, điều nhân cách thâm sâu mong muốn là đừng để cho bị lừa bịp bởi những gì mình nhìn thấy, hít vào, nói năng và cảm nhận, kể cả những gì mình làm. Chính đó

là điều chúng ta phải đạt được – điều đó cần thiết cho mình; điều chúng ta phải duy trì để mở cửa bước vào cái thế giới tuyệt vời – thế giới của con người toàn thiện. Như vậy, chúng ta có thể tự dẫn mình lên Trời...

Cho các bạn thấy rõ hơn: Bapak lấy mình làm thí dụ. Một khi chết thì sẽ không có gì thay đổi trong cách cảm thấy, nhìn thấy, nghe thấy của hiện nay và vẫn vẫn. Sự khác biệt chỉ là nơi chốn. Trải nghiệm cuộc sống của Bapak sẽ không như lúc trên trần gian, nhưng với những gì còn lại thì sẽ không có gì thay đổi.

Sự Phục Sinh và Thăng Thiên của Giê-Su sau khi chết là một biểu tượng. Không có gì trong nội dung của nhân cách đã thay đổi. Trước khi chết, Giê-Su sống ở Jerusalem: một khi chết, Giê-Su không còn ở đó nữa...Tuy trên Trời, nơi một vương quốc rất khác với của trần gian, nhưng nhân cách của Giê-Su đã không thay đổi. Giê-Su nhớ tới lúc trên trần gian mình có một người bạn tên là Phê-Rô. Cũng vậy, một khi chết Bapak sẽ nhớ lại: "Năm đó mình ở New York, năm đó ở Florida." Bapak sẽ nhớ lại tất cả. Nhưng nơi Bapak hiện đang ở (trên thiên đàng) thì thật là ân phước...rất khác với New York hay Florida!"

Một khi tới đó, ta sẽ nhận thấy ý muốn và tình thương của Thượng Đế đối với nhân loại. Thượng Đế luôn duy trì một nơi chốn cao quý cho con người. Thế nên, ta phải luôn nhớ tới Thượng Đế mà đừng lơ là. Ta phải phụng thờ Thượng Đế, bởi nhờ vậy mà tới được cái nơi chốn tuyệt vời là nơi của con người...

Những gì tạo thành cái nhân cách cá biệt của chúng ta, những gì mình cảm thấy, nói năng và hiểu được, sẽ trở nên toàn diện. Khi Giê-Su còn sống và khuyến khích thiên hạ, đó thực ra không những gì như cách các bạn nói năng. Những gì Giê-Su nói không xuất phát từ dục vọng, mà từ linh hồn; chính từ đó là những lời khuyên và giảng giải cho các môn đồ. Do đó mà người ta nói rằng Giê-Su là một thần hồn trong

trắng: cuộc đời của Giê-Su là của một người có một nhân cách trong trắng, không bị ảnh hưởng bởi dục vọng, tim can và tư tưởng; cuộc đời một công cụ đích thực của Thượng Đế...

...Giê-Su trở thành một gương mẫu cho nhân loại, bằng cách cho ta thấy như thế nào sống một cuộc đời là sự phụng thờ Thượng Đế. Xuất phát từ nhân cách thâm sâu của Giê-Su khiến cho có thể hiểu những gì không thông thường, vượt ngoài khả năng của trí tuệ, cái trạng thái đó là biểu hiện của một tri thức sâu thẳm, cái mọi người đều có. Đó là một biểu tượng, một thí dụ về những gì sẽ đạt được, miễn là ta chân thành tập latihan, phụng thờ Thượng Đế và quy phục sự Cao Cả của Thượng Đế.

...Giê-Su nói bên ngoài cái thế gian là nước của Thiên Chúa, nơi của hạnh phúc tuyệt vời và cao quý. Tại sao Giê-Su có thể nói như vậy? Bởi vì Giê-Su có thể dùng óc não mình để suy nghiệm về cuộc sống sau cái chết, bởi óc não, tim can và cảm xúc của Giê-Su đã được thanh lọc khỏi những ảnh hưởng của cái thế gian này từ thời thơ ấu. Giê-Su cũng nói: "Nếu tôi thấy điều gì sai lạc, điều đó cũng sai lạc với Thượng Đế, bởi ý Thượng Đế chứa đựng trong tim can và những cảm xúc của tôi, chứ không là ảnh hưởng của cái thế gian này."

Một huynh đệ Hà Lan và chị vợ anh nghỉ hè tại Benaix. Một latihan thể giới được ấn định lúc 10 giờ sáng Chủ Nhật, tôi đến phòng tập lúc 9 giờ 45. Vị huynh đệ đó không đến, tôi bắt đầu tập, tức khắc cánh tay tôi đưa lên, trong thế phụng thờ, miệng lưỡi tôi thốt ra tiếng Allah, danh hiệu của Thượng Đế. Tiếng đó tôi thốt ra khá mạnh, trong lúc vừa nhảy múa, vừa đập chân. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, làm như vậy không ngừng: trong 35 phút, tôi ca hát Allah, ngạc nhiên và vui sướng vì cái chứng nghiệm mới đó. Tôi xin cho biết ý nghĩa. Tôi tiếp nhận: "Đó là vé cho mở cửa vào thế giới bên kia, khi Thượng Đế kêu gọi người." Một sự khai thị đáng mừng!

Sau 80 năm, điều này khiến an ủi khi hay biết mình nhận được một vé cho vào thế giới bên kia...Đúng là của Trời cho!

Vậy nên Richard, mà đừng quên tiếp tục nói Allah, Allah, Allah. Quá dễ!

Tôi nhận thấy trong lúc nói 'Allah' miệng mình mở lớn (A), lưỡi đưa lên vòm miệng (L) rồi hạ xuống (A), như khi nói Alleluia². Đó là thánh thót đầu tiên của một đứa bé con, trước khi nói thành một ngôn ngữ.

Một vài ngày sau đó, tôi đọc trong một nói chuyện của Bapak:

Linh hồn phải là hướng đạo của chúng ta, chúng ta đừng để cho có những khoảng cách trong lúc phụng thờ Thượng Đế. Thế nên, ta luôn phải thốt ra danh hiệu của Thượng Đế, hay Allah, trong tâm hồn, để xua đuổi mọi buồn phiền, mọi chướng ngại, và như vậy thì chúng ta sẽ cảm thấy mình được che chở.

2 Alleluia hay Halleluja, tiếng Hebrew nghĩa là ca tụng Thiên Chúa.

Robert em trai tôi

Năm 1978, em trai tôi Robert mắc bệnh trầm trọng. Bác sĩ khuyên chú tới Ariege, bởi không khí của núi non sẽ có lợi cho chú. Robert đến Benaix ở với chúng tôi trong một tháng. Một hôm nọ, khi tôi đi làm về, nhà tôi nói: "Chú Robert khiếp sợ, chú sợ chết; chú đang nằm trên ghế dài ngoài kia, anh đến bên chú xem sao." Tôi đến ngồi gần chú, chú nói: "Em sợ chết, sợ vô cùng, anh giúp em với!" Đôi mắt chú biểu lộ sợ hãi; chú nắm chặt lấy cườm tay tôi. Tôi chẳng có gì để nói, bởi nói gì cũng vô ích (Robert cũng là hội viên Subud). Để cho Nguồn Đại Lực hoạt động, tôi thấy tất cả những ý nghĩ của mình đã biến mất, và một sự an hòa truyền xuống từ nơi tôi qua Robert. Trong lúc sức mạnh của Thánh Linh hoạt động, tôi cảm thấy bàn tay chú rơi lỏng buông cườm tay tôi ra. Không ai nói lời nào, điều đó cứ tiếp tục xảy ra, một sự im lặng kết hợp đôi chúng tôi. "Cám ơn anh, chú nói, em không còn sợ hãi nữa, em thấy đỡ rất nhiều." Chúng tôi vừa nghiệm được sức mạnh giải phóng của Thánh Linh.

Robert qua đời ngày 20 tháng 11 1978 ở tuổi 50.

Chứng nghiệm và ánh sáng

Lúc tôi 9 tuổi, trong năm 1929, bác sĩ tư cho bố mẹ tôi hay tôi bị chứng thoát vị hạch bẹn (hernie inguinale) nên phải mổ. Phẫu thuật xảy ra tại bệnh viện Narbonne. Tôi còn nhớ tới việc người ta trói mình trên bàn mổ để cho tôi không cử động. Cô y tá nói: "Đếm tới con số 32," để rồi tức khắc đặt

lên mặt tôi một mặt nạ thắm cloroform. Tôi đếm một...rồi thấy mình đã ngủ. Thế rồi tôi thấy mình nhẹ nhàng đi xuống trong một cái hố thật dài. Đến chỗ cuối, tôi ngừng đầu lên thấy từ phía trên một ánh sáng lớn màu hết sức trắng. Tôi muốn bắt lấy nó, nhưng không thể được.

Cái chứng nghiệm đó đôi khi tái diễn trong kí ức tôi, như hiện nay khi tôi đang viết những hàng chữ này.

Lúc 39 tuổi, tháng 11 1959, trong cái latihan đầu tiên ở Paris trong một căn phòng rộng lớn nhiều người, im lặng đứng trước Bapak, tôi nhận được sự giao tiếp trong Subud. Trí óc ngưng hoạt động, tôi thấy từ một nơi rất xa một ngôi sao chổi quay nhanh vô cùng, để rồi đập vào trán tôi, khiến tôi lớn tiếng cười, toàn thân vui sướng.

Cái chứng nghiệm đó còn cho tôi trông thấy một ánh sáng hình thù ngôi sao. Lần này thì không là tôi nắm bắt nó, mà là một ánh sáng tạo một sự giao tiếp trên trán, khiến sung sướng vô cùng, điều tôi không bao giờ quên!

Từ vài năm nay, trong đêm tối, tôi đôi khi thức dậy trông thấy trong nội tâm, giữa trán, một hình thù màu trắng đục, lớn như một bóng đèn. Nhìn kĩ vào trung tâm thì đó là cái gì sáng ngời, như ngọc thạch rất đẹp, lấp lánh màu phơn phớt xanh...Cái chứng nghiệm đó đôi khi lại xảy ra trong latihan, một cách bất ngờ. Tôi cảm thấy rất bình tĩnh trong lúc đó.

Tôi không nhìn thấy ánh sáng đó với đôi mắt xương thịt, bởi mắt mình đã nhắm trong đêm tối.

Tôi nhìn thấy cái ánh sáng đó nơi giữa trán, và lần này thì trung tâm nó có một màu xanh đậm. Để nhìn rõ hơn, tôi đặt đôi tay mình trên mắt, và như vậy thì các màu sắc càng trở nên đậm hơn. Điều đó kéo dài trong vài phút.

Khi tôi tự hỏi mình về ý nghĩa những ánh sáng và màu sắc đó, tôi nhận được sáng hôm sau một bao thư gồm 4 bài nói

chuyện của Ibu Rahayu. Trong một buổi nói chuyện tại Bali ngày 12 tháng 7 2001 bà nói: "Mỗi màu sắc có một tính chất đặc biệt. Tính chất của màu đen là khiến có năng lực, màu đỏ là sự thích thú lao động, màu vàng là tri thức, màu trắng là khiến chúng ta sáng suốt và thanh thản hành động."

Điều đó còn thỉnh thoảng khiến tôi thức dậy trong lúc ngủ trưa, mỗi lần xảy ra khác nhau.

Thực vậy, tôi ý thức được Subud là đời sống mình, bởi tu tập theo Subud tôi hiểu được đời người thực sự có nghĩa gì, và được chỉ cho thấy đời những thân nhân mình tại thế giới bên kia. Nên tôi cố gắng hành động một cách suy xét. Tôi hiểu được cái thái độ đó với đời sống nói chung và đời sống cá nhân nói riêng là do sự linh thị được những hình ảnh màu trắng.

Tôi thực nghiệm được những ước mong xác thực nhất của mình bằng sự soi sáng của nội tâm, dựa trên cầu nguyện và sự chân thành tu tập theo latihan Subud. Tôi có thể thuần hóa những thử thách của mình, nhờ nhân chứng trong nội tâm, một nhân chứng đôi khi khó tính! Tôi cũng phân biệt được đức tin chân chính, trở nên vững dưng với các đồ vật và những ý nghĩ của mình, bằng cách tập cách buông thả trong những lúc phải có, để chết với hiện hữu và sống với Bản Tính. Tôi học cách biết được sự phong phú của một linh hồn tỉnh thức trong một thể xác sức khỏe toàn vẹn.

Sự đổi mới của chứng nghiệm

Tại sao lại đổi mới? Đó là vì cái chứng nghiệm đó đã xảy ra vài tháng trước đó. Hôm qua, trong lúc ngủ trưa như thường, tôi thức dậy, và mắt còn nhắm, tôi được khiến cho nhìn thấy trong nội tâm một ánh sáng màu rất trắng giữa trán. Tôi nhận rõ được một chính văn in trên hai trang giấy, nhưng điều khiến tôi thật thất vọng là mình không đọc được gì, dù cố gắng đoán. Cái chứng nghiệm đó chỉ kéo dài vài phút, rồi biến mất như lúc đến.

Cái chứng nghiệm mới mẻ chắc chỉ có nghĩa này: cái ánh sáng đó trong cơ thể sẽ khiến cho mình nhìn thấy rõ hơn cuốn sách nội tâm của mình. Tại sao lại thế? Bởi được Thượng Đế hướng dẫn, nên ta có thể nhận biết được cái công việc là chân tài mình.

Bapak đã viết cuốn Susila Budhi Dharma. Đó là một cuốn sách mà phải tìm cách hiểu được. Cũng không là một giáo lý mới, mà chỉ là những diễn giải cho những ai tiếp nhận latihan về thực chất và sự tương tác giữa các sức mạnh khác nhau trên cái thế gian này, về quan hệ của nó với chính mình là những con người. Trang 139:

- Vì đã chìm đắm thâm sâu nên chân tâm không còn nhớ

tới việc nơi chính mình có một cái gì tương tự ánh sáng, cái có thể dẫn dắt mình trên một con đường tốt đẹp cho cuộc sống.

- Nếu nhớ lại được hay có thể hồi phục kí ức là mình có một bản tính của một sinh vật cao quý, ta sẽ hiểu rằng mình phải hành xử tốt đẹp hơn các sinh vật khác.

- Nên ta sẽ có khả năng khuếch đại quan niệm về cuộc sống để lựa chọn một con đường dẫn tới hạnh phúc.

- Ta cũng sẽ thực hiện được nguyện vọng trân quý nhất của đời mình: đảm nhận hạnh phúc của mình và gia đình mình, và trở thành gương mẫu cho con cháu mình.

Hiểu được điều đó là do sự soi sáng của nội tâm, bằng cách theo tập latihan kedjiwaan của Subud, điều làm sáng tỏ tất cả những gì là u tối nơi chúng ta, và như vậy thì tư tưởng mình, linh hồn mình, sẽ hiểu được sự thật khiến có thể nói: "Tôi biết được do kinh nghiệm là..."

Cái đó là điều gì như ánh sáng, điều các nhà khoa học tìm cách hiểu được với trí tuệ, nhưng ta chỉ có thể hiểu được nhờ một sự tiếp nhận trực tiếp và chân chính.

Một khi tiếp nhận được, cái đó sẽ đảo lộn những thói quen xấu của mình, cải hóa mình, làm cho đời mình trở nên cao quý, giải thoát mình khỏi một quá khứ của sự dốt nát và đau đớn, cho mình biết thái độ công chính và cao thượng đối với những hoàn cảnh đổi thay mỗi ngày của cuộc sống.

Cái đó là cái vô cùng phong phú, Thượng Đế đã ban cho chúng ta một trí tuệ không thể tìm thấy. "Hãy đi tìm nước của Chúa, và những gì còn lại sẽ được ban thêm cho." Tôi đã kiểm chứng điều đó trong đời mình!

Tái sinh

Tôi sinh ra ngày 5 tháng 4 1920 tại Vinassan, lọt ra bụng mẹ sau 9 tháng ầm áp trong đó. Để sống trên thế gian này, tôi thốt ra một tiếng hét, phổi mình bắt đầu hoạt động cho cuộc sống trên trần gian.

Cuối tuổi niên thiếu, tôi bắt đầu đặt những câu hỏi về nghĩa lí đời người. Những câu hỏi đó trở nên mãnh liệt hơn trong những tháng năm tại những trại giam ở Đức, từ 1942 tới 1945. Sau khi tôi trở về Pháp, một số những biến cố khiến tôi tìm hiểu thâm sâu hơn, khiến tập yoga và cuối cùng là tìm thấy Subud.

Ngày 21 tháng 11 1959 tại Paris, đứng trước Bapak đến từ Indonesia, tôi trực tiếp nhận được sự giao tiếp khiến thức tỉnh cho một cuộc sống mới – một sự tái sinh. Và điều phi thường, như lúc chào đời, là cái chứng nghiệm đó xảy ra không do sự tham dự của ý chí.

Kể từ lúc có cái chứng nghiệm khó quên đó, linh hồn tôi thức tỉnh để nhận những chỉ thị hướng dẫn đời mình của Thượng Đế, đặc biệt cái bí quyết cho mở cánh cửa của một cuộc tái sinh thứ 3, để tới thế giới bên kia.

Nếu có một đứa bé đến cái trần gian này bằng cách thổi sinh khí vào phổi nó, thì cuộc đời nó sẽ chấm dứt với việc thở ra hơi cuối cùng! Do đó linh hồn sẽ rời bỏ cái trần gian này.

Tôi đã chứng kiến cái chết của ông cụ mình với hơi thở cuối cùng của ông. Cái trạng thái sung sướng lúc đó của ông tôi cho là ông chiêm nghiệm một thế giới khác.

Ta đến cái thế gian này trong lúc trực tiếp nghiệm thấy thực tại của cuộc sống. Thế nên, lúc tái sinh cho một cuộc sống chân chính thật là hệ trọng, lúc chết với cái thế gian này để tiếp tục trong một thế giới khác, mà được tự do và hạnh phúc hơn. Như vậy thì hoàn toàn phải thoát li quá khứ để như tạo một chỗ cho một cuộc tái sinh. Đời người là tiến tới, chứ không đi lùi.

Subud và bệnh tật

Điều được nhận thấy là trong Subud một số người đã được lành bệnh bằng cách tập latihan! Tôi không thuật lại trường hợp những hội viên lành bệnh trái với lời khuyên của y khoa. Tuy thế, tôi cũng đã thuật lại trường hợp mình trên kia.

Subud trước hết là sự phụng thờ Thượng Đế, chứ không là để chữa bệnh. Dưới đây là một đoạn trích từ cuốn A Reporter In Subud của V.Vittachi, trang 49-50.

Khi Bapak tới Sri Lanka, tôi đem Cooch, đứa bé gái 10 tuổi, đến Hội, vì cháu muốn bày tỏ lòng cung kính với Bapak. Ngay khi chúng tôi bước vào phòng khách, Bapak khiến chúng tôi ngạc nhiên, khi lấy ngón tay chỉ vào Cooch:

- Tarzie, tốt hơn là cho mổ.
- Bapak, cho mổ hả?
- Đúng vậy, cho mổ, Bapak vừa nói, vừa chỉ vào cổ cháu Cooch.
- Nhưng tôi nghĩ là Bapak không thích phẫu thuật?
- Bapak không thích những phẫu thuật vô ích, nhưng cái

này thì cần thiết và cấp bách.

Sự khéo léo của các y sĩ cũng là do Thượng Đế, những có những nhà phẫu thuật lại muốn mỗi khi không cần thiết, như trường hợp Eva Bartok. Đừng quên rằng con trai Bapak là một sinh viên y khoa.

Chúng ta có cần những bằng chứng khác về sự thực dụng những lời khuyên của Bapak? Cái yếu tố 'huyền bí' trong chương này là sự chẩn đoán của Bapak về căn bệnh của cháu Cooch, điều chúng tôi chưa từng cho Bapak hay...

Một phụ tá Indonesia già dặn đã có lần nói với chúng tôi: "Subud có chức năng một nhà xe..Hãy nghĩ tới một bãi xe đẹp, giữa một đô thị. Từ khắp nơi, có những con đường tốt đẹp dẫn tới bãi xe. Một con đường được gọi là Phật giáo, một cái khác là Hồi giáo, một cái khác là Thiên Chúa giáo, một cái khác là Do Thái giáo, và vân vân. Tất cả chúng ta đều nhận được một chiếc xe để đem tới bãi xe. Nhưng chúng ta nhận thấy chiếc xe đó đã hư hại, bánh xe bị lủng, thùng xe lồi u, hộp sang số bị nghẽn, và nhất là không có xăng nhớt. Nên chúng ta đem xe tới nhà xe để sửa chữa. Thế thì chúng ta có thể dùng bất cứ con đường nào, tất cả đều dẫn tới bãi xe. Subud là nhà xe."

...Bapak thấy như thế này (vị phụ tá đó cho hay) về quan hệ của bệnh tật với latihan: người nói rằng nói chung thì có 5 loại bệnh tật.

- 1. Những bệnh tật nhẹ thông thường.*
- 2. Những dị tật hay nhược điểm do di truyền.*
- 3. Những bệnh tật báo hiệu cho chúng ta là mình đã sống không đúng cách.*
- 4. Những bệnh tật xảy ra để trừng phạt vì lối sống sai lạc của mình (lo nghĩ quá nhiều là một nguyên nhân của loại bệnh tật này)*

5. Những bệnh tật xảy ra để kết thúc đời mình.

Khi tập latihan với người bệnh, nếu đó là ý Thượng Đế, ta có thể làm cho bệnh tật loại (1) và (2) giảm bớt.

Nghề giáo viên thể dục và thể thao khiến tôi phải nỗ lực quá sức mình. Vì ương ngạnh hay ngạo mạn? Hậu quả là một hang phổi bên phải! Sau này, tôi hiểu được điều Bapak nói về quan hệ của latihan với bệnh tật. Tôi thấy có sự khác biệt giữa những động tác của thể dục mà tôi dạy với những gì của latihan. Tôi cũng hiểu được tại sao hiện nay sức khỏe mình hết sức tốt đẹp.

Ta có thể coi Subud như một đợt chữa trị khiến trẻ trung. Tại sao lại vậy? Đó là vì bằng cách thanh lọc, sức mạnh của Thánh Linh đã làm cho các bộ phận nội tạng trở nên trẻ trung, mà do đó chúng ta cảm thấy trẻ lại, dù tuổi tác cao.

Điều đó được Bapak giải thích trong một bức thư ngày 6 tháng 8 1954 hồi đáp thư ông M.H (Yogyakarta) mà Harlinah Longcroft cho đăng lại trong cuốn History of Subud, trang 176:

...Theo truyền thống Hồi giáo, nếu phục tòng và tuân theo ý Thượng Đế, và trung thành chấp nhận sự việc chỉ có ân huệ Thượng Đế mới có thể chỉ cho mình thấy con đường đi của mình, thì ta sẽ có một cuộc sống hạnh phúc...

Những động tác bạn nhận được trong latihan thì bề ngoài trông như những động tác của thể dục, nhưng thực ra đó là những gì khác hẳn. Bởi những động tác xảy ra trong latihan xuất phát từ linh hồn và khởi phát bởi ý Thượng Đế.

Có thể hiểu như thế này về sự khác biệt của hai loại động tác đó: những động tác của thể dục xảy ra bởi một ý chí chưa biết được hướng đi nào là đúng, tức là chưa thích đáng hiểu được bản chất của cơ thể, của những bộ phận được khiến cho cử động như thế, và tại sao lại cần phải cử động như thế.

Thế nên, nhiều người tập thể dục sức khỏe họ cuối cùng đã không khá hơn, mà còn bị ngăn chặn giữa đường tạo nên những tác hại khiến đau đớn sau này. Có thể nói là họ gây hại cho chính mình.

Tối đa, bản chất của những động tác đó chỉ có thể làm cho mạnh khỏe những thành phần nhìn thấy được và bên ngoài của cơ thể, còn những bộ phận bên trong, không thể nhìn thấy, thì không được đụng tới, kể cả những bộ phận vô hình đối với mắt phàm.

Bản chất những động tác tiếp nhận được trong latihan thì khác hẳn, bởi đó là những gì xuất phát từ linh hồn, mà linh hồn thì đích thực biết được những gì các bộ phận của cơ thể cần tùy theo nhu cầu và sức mạnh vốn có của mình. Cái lợi của latihan thì khác biệt đối với mỗi trường hợp đặc biệt. Đó là do mỗi bộ phận cơ thể có sức mạnh khác nhau và trường hợp đặc biệt của nó.

Khi những cử động tiếp nhận được xâm nhập vào toàn thân, tác động của latihan được cảm thấy càng lúc càng thâm sâu, cho tới khi các bộ phận bên trong được khiến cho sống lại.

Chỉ khi điều đó thực hiện, cơ thể mới có thể chứa đựng những sức mạnh của linh hồn, tức là linh hồn trở nên toàn thiện. Như vậy thì mục đích của những động tác tiếp nhận được trong latihan thực ra là sự chuẩn bị cho cơ thể chứa đựng những sức mạnh của một linh hồn chân chính.

Thực ra, một linh hồn trở nên toàn thiện thì cần có một cơ thể thích đáng và mạnh khỏe, tức là linh hồn một con người toàn thiện, và một cơ thể thích đáng và mạnh khỏe đương nhiên là chỗ chứa đựng cho một linh hồn toàn thiện.

Hiển nhiên thực chất của latihan mà bạn tiếp nhận và theo tập là sự chuẩn bị của nội tâm để trở thành nơi chứa đựng cho sự hiện thân của một linh hồn trở nên toàn thiện. Không

thì điều này như việc cầu xin Thượng Đế cái này cái nọ, mà thiếu nơi chứa đựng nhờ đó nhận được ân tứ. Ta có thể coi điều đó như việc có ai đến giếng lấy nước, nhưng lại không mang theo một xô nước. Tương tự, tất cả những nỗ lực siêng năng, như trai giới, thức đêm và xa lánh những người khác, có thể hoàn toàn là vô ích. Người Java có một câu cách ngôn: "Nếu muốn nổi bật quá thì sẽ thất bại và không được hạnh phúc."

Người Tây phương cũng nói rằng cơ thể phải thường xuyên mạnh khỏe, thì như vậy linh hồn cũng mạnh khỏe. Ở Ấn Độ, có những người tìm cách đạt được một linh hồn toàn thiện, bằng những lối tu tập như Yoga, vv... Nhưng tất cả những điều đó là tránh xa con đường mà Thượng Đế đã chỉ định, bởi chỉ được thực hiện bởi bản năng và trí tuệ. Hậu quả là một sự tự hành hạ mình, và điều đó càng khiến cho khó đạt được một linh hồn toàn thiện.

Chỉ có vậy thôi, và Bapak mong cho bạn và những ai khác sẽ tiếp tục trong một tình trạng an toàn và hạnh phúc.

Bức thư đó của Bapak tôi vừa đọc lại, nó khiến cho mình hiểu được tại sao mình được phần nào khiến cho làm việc văn phòng: Bapak thư cho tôi hay công việc giáo viên thể dục quá nặng nhọc đối với tôi, nên tôi sẽ được kêu gọi làm một công việc văn phòng. Ngoài ra, tôi còn nên thôi tập Yoga và lối Thiền của Phật giáo; latihan, một con đường dễ dàng hơn, sẽ dẫn thẳng tới đích.

Những giấc mơ

Có những giấc mơ ban đêm rọi sáng con đường đời mình. Có những cái vui sướng, những cái an ủi, những cái chỉ cho thấy cách biến đổi lối sống mình. Giấc mơ có thể báo cho hay sự ra đời của một đứa bé. Có những cái chuẩn bị cho mình thanh thản chấp nhận một sự thử thách, linh hồn trở nên mạnh mẽ và dũng cảm để ta thích nghi với một sự thay đổi của cuộc sống (như hay tin về cái chết của một thân nhân hay bạn thân). Với lòng thương xót Thượng Đế đến để làm nhẹ bớt cơn đau khổ của lúc đó.

Ta có thể mơ thấy, tôi nói rõ hơn là có thể...Thực vậy, ta không thể có một lập trình.

Những kinh nghiệm về giấc mơ khiến ta có thể nói rằng có những cái vẫn còn bí ẩn, những cái khác thì có thể là những chỉ dẫn quý báu.

Sự việc được nhìn thấy cái thế giới hữu hình và vô hình khiến chúng chú ý tới mỗi giây phút, và nhận thấy sự khác biệt giữa những giấc mơ hoang tưởng lúc thức và những giấc mơ ban đêm, những gì nhận được trong sự im lặng của ban đêm, và do đó không là tưởng tượng.

Có những giấc mơ hệ trọng có thể liên quan tới những khả năng phát triển trong tương lai, cho thấy những triển vọng

mới, ước định lại những gập gở giữa cá nhân vv...Đó là những gì cố vấn cho mình trong cảnh huống có vấn đề.

Nhiều giấc mơ đối với tôi có một sự hệ trọng và ý nghĩa cho lối hành xử của đời mình; chẳng hạn giấc mơ liên quan tới một công việc trong tương lai trong lúc tôi còn đau ốm (đã thuật lại); hay giấc mơ về cái chết của ông cụ tôi (đã thuật lại). Những giấc mơ khác thì giúp tôi xác định lại tình cảnh hiện nay của mình.

Có những giấc mơ mà tôi chỉ hiểu được ý nghĩa mãi sau này; tôi đã thuật một giấc mơ xảy ra nhiều lần trong đó tôi cảm thấy nghẹt thở vì kinh khiếp.

Một trường hợp khác là một giấc mơ trong đó tôi thấy mình mang một gánh nặng, nhưng là một cách nhẹ nhàng. Bapak chỉ cho tôi thấy cái gánh nặng đó. Quang cảnh trông giống với Wisma Subud tại Cilandak, nơi ở của Bapak. Một thời gian sau đó, tôi được cho hay mình được chỉ định làm phụ tá của Bapak.

Tôi nhận thấy cũng có những giấc mơ dựa vào những biểu tượng để khiến mình tránh được những sai sót, hay cho thấy một thái độ mới mẻ để đối diện một vấn đề đích xác nào đó.

Năm 1970, đêm lúc sắp sáng, tôi nằm mơ thấy quỳ xuống trước mặt Bapak, để xin tha thứ. Ba tháng sau đó, Bapak đến Marseille ở trọ tại nhà chị Rukmiwati. Tôi lái xe một mình tới Marseille. Rukmiwati yêu cầu tôi tưới hoa trong vườn, trong lúc chờ đợi Bapak tới. Một lúc sau đó, tôi nghe thấy các chiếc xe đến; tôi vội thôi tưới hoa để ra mở những cánh cửa dẫn vào lối đi đầy hoa; chiếc xe chở Bapak tới, rồi một chiếc khác; tôi đóng cửa lại rồi tiến về phía chiếc xe chở Bapak, thế rồi tôi tự động quỳ xuống trên mặt đất để xin Bapak tha thứ. Ngạc nhiên, Bapak đứng lại nói một vài câu mà tôi không nghe rõ. Tôi chợt nhớ tới cái giấc mơ trở thành sự thật.

Năm 1971, lúc hội nghị Subud thế giới tại Cilandak

Indonesia, tôi làm quen và có quan hệ tốt đẹp với Michel Rousseau, một người anh em từ Canada. Tôi nhớ lại là mình đã nói anh sẽ phải đổi nhà ở. Một vài tháng sau hội nghị, một đêm nọ, tôi nằm mơ thấy Michel đang viết một bức thư dài. Sáng hôm sau, tôi nói với bà xã: Michel viết cho anh. Một vài ngày sau đó, có một bức thư của Michel trong đó anh kể lại như thế nào anh phải đổi nhà ở, cùng với những chứng nghiệm của anh và bà xã về một căn nhà mới. Giấc mơ đã thành sự thật. Trong thế giới tâm linh, khoảng cách không thành vấn đề.

Năm 1981, một đêm nọ trong tháng 9, tôi nằm mơ thấy mình đem cà phê tối cho một nhóm người. Một vài tháng sau đó có một xê-mi-na của các nhà tâm lí học Subud. Các anh chị em tham dự xê-mi-na đó dùng bữa tại căn nhà gỗ của ông em tôi là Robert. Một buổi tối nọ, tôi đến giúp phục vụ họ. Sau bữa ăn, một huynh đệ từ Mexico nói: "Richard, anh cho chúng tôi uống một ly cà phê chứ." Tôi lập tức nhớ lại giấc mơ đó, bật cười rồi nói: "Có ngay, tôi nằm mơ thấy điều này cách đây vài ngày." Mọi người đều cười. Cà phê được đem đến cho mọi người, như giấc mơ đã cho thấy.

Bapak giải nghĩa về các thiên sứ và lịch sử của nhân loại

Bapak xin được giải nghĩa những gì xảy ra cách đây rất lâu, từ lúc Adam, con người đầu tiên, sống trên trái đất. Thời kì đó, loài người chưa có tôn giáo, tức là chưa có những quy định về cách sống như thế nào, cũng như về cách sống hòa hợp với nhau. Thế nên, người ta luôn biểu thị Adam và Eva trong sự trần trụi, tức là thời kì đó loài người chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi thế gian như hiện nay. Tương tự, thời kì đó loài người có quan hệ chặt chẽ với Thượng Đế, như con cái với bố mẹ. Thực ra, nhìn từ khía cạnh tâm linh và linh hồn, Adam tượng trưng cho bản chất một đứa bé.

Thời kì thứ hai sau thời Adam là thời Abraham. Lần đầu tiên, loài người nhận được từ Thượng Đế một tôn giáo, tức là những quy định về cách phải sống chung với nhau như thế nào ; đứa bé lớn lên trở thành một thiếu niên, và bắt đầu phân biệt được bản chất nam và nữ, do đó người ta nói màu sắc của Abraham là màu đỏ; tức là thời đó loài bắt đầu có dục vọng.

Cũng trong trong thời đó mà Abraham tiếp nhận được từ quyền năng của Thượng Đế một mệnh lệnh: loài người phải nhận thức và nhìn nhận mình được Thượng Đế tạo ra. Do đó mà Abraham truyền dạy cho các môn đồ mình là phải tin ở sự hiện hữu của Thượng Đế là Tạo Hóa. Thực vậy, trong thời

đó, loài người tin tưởng sự Cao Cả của Thượng Đế, và ý thức được mình là tạo vật. Họ bắt đầu nhận thức được Thượng Đế là Tạo Hóa tối thượng của nhân loại và tất cả những gì hiện hữu trong vũ trụ.

Người ta thuật lại là Abraham nhận được thiên khải trên một ngọn đồi tên là Tursina. Nhưng hình như có lẽ ông là người đầu tiên có sự thanh khiết của tim can và tư tưởng. Các bạn đã chính mình nhận thấy trong latihan thì đó không là một ngọn đồi trên mặt đất, mà là trong nội tâm mình. Tương tự, nguồn nước thánh, theo truyền thuyết, phun ra mà Abraham nhận thấy, không là một ngọn suối thông thường, mà là điều gì khởi phát từ nội tâm. Bapak bây giờ không cần phải giải nghĩa điều đó; tới một lúc nào đó các bạn sẽ tiếp nhận được trong latihan sự thật của những gì Bapak nói tới. Nếu Bapak giải nghĩa, điều này sẽ chỉ khiến cho các bạn suy đoán hết điều này tới điều nọ, nhưng trong Subud thì sẽ chẳng được chuyện gì hết nếu dùng ý nghĩ và mong muốn.

Sau thời Abraham là thời thứ ba, thời Moise. Màu sắc của Moise, người ta nói, là màu trắng, tức là Moise là người đầu tiên tiếp nhận được những giới luật của Thượng Đế về con đường của sự thanh khiết. Ông là người đầu tiên có sự thanh khiết của tim can và tư tưởng. Người ta thuật lại rằng ông đã phân tách nước biển, khi bị Pharao [vua Ai Cập] đuổi bắt. Biểu tượng đó có nghĩa là Moise có thể phân tách thiện và ác, phân biệt trí tuệ của con người với sự hiểu biết xuất phát từ Thượng Đế.

Tiếp theo là thời thứ tư là thời của Giê-Su, mà màu sắc, người ta nói, là màu xanh lá cây. Người ta cũng nói Giê-Su là Thần Hồn, tức là "Con của Thượng Đế." Cuộc đời của Giê-Su được tượng trưng bởi cây giá chữ thập, tức là ông là con người hiểu được như thế nào sống trên thế gian này cũng như tại nơi là vương quốc của Thượng Đế.

Đến thời của Muhammed thì đó là biểu tượng của sự hoàn thành (một chu kì): đưa bé lớn lên, thành người lớn, lập gia

đình, có những con cái cũng sẽ lớn lên để lặp lại cái quá trình của đời người.

Đối với nhân loại tất cả những truyện đó đã trở thành biểu tượng mà phải hiểu được ý nghĩa đích thực. Tất cả những truyện về các thiên sứ và những huấn thị mà họ nhận được cho nhân loại đã trở thành biểu tượng cho chúng ta. Những huấn thị đó thật đầy đủ và có tầm quan trọng thâm sâu; những thánh thư của Abraham, Moise, Giê-Su và Muhammed – Thánh Vịnh, kinh Torah, kinh Phúc Âm và Quran – có đầy những giáo lý là chân lí. Nếu ta ý thức được, thì đó là những huấn thị sát cạnh và dẫn dắt nhân loại. Nhưng điều này vô cùng khó khăn, và càng trở nên khó khăn hơn trong một thời đại có đầy nhóc những thứ vật chất đủ loại, tới nỗi loài người hầu như không thể phó mặc tâm can và ước mong của mình để làm yên trí tuệ.

Với sự xuất hiện của Subud – Bapak cũng không hiểu tại sao, vì đó chỉ có thể là ý Thượng Đế – Thượng Đế trực tiếp tác động nơi chúng ta, và chúng ta bắt đầu tiếp nhận và hiểu được như thế nào thực hành được những giáo lý của Thánh vịnh, Thánh Kinh, Phúc Âm và kinh Quran. Do đó mà trong Subud chúng ta không cần phải có thêm những huấn thị, những học thuyết hay những phương pháp mới lạ để phụng thờ Thượng Đế. Chính Thượng Đế sẽ giáo hóa chúng ta về cách phụng thờ, cũng như về cách sống cuộc đời mình trên thế gian này cũng như sau khi chết.

Như vậy Subud không là một tôn giáo, mà là ân huệ của Thượng Đế để biến thành thực tại cho nội dung của những tôn giáo khác nhau. Với những ai trong các bạn theo đạo Thiên Chúa, thực tại của tôn giáo mình sẽ trở nên hiển nhiên. Với những ai theo đạo Hồi, các bạn sẽ thành những người Hồi giáo đích thực, chứ không là những người Hồi giáo bất định, tùy theo hứng, lúc tới lúc không.

Bapak có thể nhận thấy sự thật tại bất cứ đâu mình tới. Các người Thiên Chúa giáo đều xác nhận sự thật của những gì họ

tiếp nhận và theo tập trong Subud, vì Subud hoàn toàn phù hợp với Thiên Chúa giáo. Cũng vậy, những ai theo đạo của Moise và Abraham đều nói rằng Subud hoàn toàn phù hợp với những gì họ đọc và hiểu trong các thánh thư của họ. Với những người Hồi giáo thì cũng thế, họ đều xác nhận Subud hoàn toàn phù hợp với nội dung của kinh Quran...

Bí ẩn của cội nguồn

Trong lúc latihan chúng ta cảm thấy một sự rung động tạo nên những động tác. Tôi thường tự hỏi những rung động đó là do đâu. Thì đây, khi đọc cuốn A Memoir of Subud của Varindra Vittachi, trang 57, 58 và 59, tôi nhận được đáp án cho những câu hỏi đó. Trích dẫn:

Một buổi tối nọ, trong lúc thăm viếng Pháp, Bapak trong tâm trạng vui vẻ muốn nói chuyện. Hôm đó là ngày 14 tháng 7, ngày chiếm cứ ngục Bastille, Bapak cùng hơn chục người chúng tôi đang trên sân thượng một tòa nhà trên đường Eugene Manuel, nơi cư ngụ của Bapak, nhìn những pháo bông bắn ra trên nền trời trong lành. Tôi kinh ngạc thán phục sự thích thú như trẻ em của Bapak trước những cụm sao màu xanh, trắng và đỏ, cùng với sự huy hoàng của một quang cảnh mừng ngày được giải phóng khỏi một chế độ chuyên chế. Lúc nửa đêm, pháo bông mất dần, và tất cả trở nên yên lặng. Chúng tôi trầm lặng ngồi cùng Bapak thưởng thức lúc có một sự im lặng phi thường mà không ai thấy phải làm cho mất bằng trò chuyện, khác với những lúc trong đó mỗi người thấy lúng túng và vướng víu vì không thể thốt lên một lời nào.

Sự im lặng đó kéo dài có lẽ từ 5 tới 8 phút, thì Bapak nói: "Varindra, bạn hãy nhìn ra ngoài nói cho chúng ta những gì bạn thấy." Tôi chăm chú nhìn bầu trời rồi nói:

- Bapak, nhìn không gian?

- Đúng vậy, không gian, Bapak nói, nhưng có lẽ đó không là cái không gian mà bạn quen biết. Từ nơi chốn hiện nay của Bapak, Bapak có thể nhìn thấy tất cả vũ trụ. Nó không phân đoạn. Đó là một bộ máy phức tạp, duy nhất và đơn độc. Không như những bộ máy mà ta dùng, Varindra, không như máy đánh chữ của bạn, hay như chiếc xe bạn. Nó giống như...một mạng lưới điện tử, hay một lực trường. Lực đó xuất phát từ cội nguồn, di chuyển ra bên ngoài theo hình vòng tròn, để cuối cùng trở về cội nguồn...

Lo ngại bỏ mất cở hội hỏi điều mình luôn muốn biết, tôi hỏi:

- Điểm nào là nguồn gốc?

Hơi bực bội nhìn tôi, Bapak đáp câu hỏi tôi bằng một câu hỏi khác:

- Đây là nguồn gốc một vòng tròn?

Cảm thấy sự ngu dốt của mình, tôi cảm miệng.

- Đó là điều chúng ta gọi là các ngôi sao và hành tinh. Với thời gian, những khối lượng đó được lọc trong, để trở về cội nguồn bằng cách nhập vào nguồn lực. Còn bạn đây, Varindra, bạn là một khối lượng với hai chân, đi trên một trong những khối lượng nhỏ bé nhất là hành tinh. Bạn nói: "Chút khối lượng này là quê hương tôi, và trong đó còn có một cái gì nhỏ hơn được gọi là đất đai mình." Tuy thế, điều này chắc chắn là vậy, cái quá trình tinh tế hóa mà chúng ta gọi là thanh lọc có mục đích làm cho bạn có thể tan biến, để tới cuối đời mình trên cái khối lượng mà chúng ta gọi là trái đất, bạn có thể nhập lại vào nguồn lực để trở về cội nguồn mình.

Chúng tôi bị lôi cuốn bởi sự toàn diện của ẩn dụ đó, điều được phát biểu một cách rõ ràng, ngắn gọn và nhẹ nhàng.

Một vài tháng sau đó, trong tháng Ramadan tại Cilandak, Bapak lại nói tới latihan và sự sáng lập của vũ trụ...:

- Trước khi vũ trụ được sáng lập, chỉ có chân không và Thượng Đế. Các bạn có thể hỏi làm sao có thể có chân không cùng với cái gì khác. Nhưng Bapak không thể bây giờ giải nghĩa điều đó. Nếu muốn, các bạn hãy chấp nhận với Bapak là chỉ có chân không và Thượng Đế; cũng không có ánh sáng và bóng tối, mà chỉ có chân không. Thượng Đế tạo ra ánh sáng. Ánh sáng không là Thượng Đế, mà là sáng lập của Thượng Đế. Ánh sáng là một chấn động. Đó là chấn động nguyên thủy, chấn động của sáng lập. Chấn động tạo nên các thứ vật chất. Các ngôi sao và hành tinh gồm vật chất có những chấn động riêng biệt của nó. Sức mạnh vật chất có chấn động riêng biệt, điều các bạn nhận thấy khi nhận được sự giao tiếp của Subud; sự giao tiếp với Nguồn Đại Lực là sự giao tiếp với chấn động nguyên thủy. Khi tiếp nhận được latihan, sau một sự thanh lọc dài lâu, các bạn có thể phân biệt chấn động nguyên thủy của ánh sáng với những chấn động vật chất của trái đất.

Tôi hết sức vui mừng vì có thêm một "giảng giải" khác...

Trích dẫn một đoạn nói chuyện của Bapak tại New York ngày 6 tháng 5 1959:

...Những chấn động đó...thực ra có 2 loại, loại thứ nhất biểu hiện khi dục vọng, tim can và trí óc ngưng hoạt động: do đó chúng ta tiếp nhận được trong một trạng thái hoàn toàn vắng không, vô cùng yên tĩnh và tĩnh lặng. Trong đạo Hồi, người ta gọi chấn động là khatir il-ham, một chấn động mà nguồn gốc là quyền năng của Thượng Đế. Loại thứ hai xuất phát từ thế giới ma quỷ (vật chất), những sức mạnh mà kết quả là khiến ta bị chi phối. Loại chấn động đó là do cường độ của dục vọng với sự thúc đẩy của ý chí. Đó là cái gì tác hại vì nguồn gốc của nó là những sức mạnh dưới trình độ con người.

Có hai sự hiểu biết mà trong đạo Hồi người ta gọi là iman (đức tin) và ignat (hồi ức). Iman nghĩa là cái tâm thức trong sự hiểu biết, và ignat chỉ là sự hiểu biết. Thế nên, người ta nói rằng nếu ta chân thành tin tưởng Thượng Đế, thì Thượng Đế sẽ kích thích lòng tin đó, khiến mình nhớ lại là có Thượng Đế. Nhưng nếu nhớ lại với tim can và trí óc, thì dù sùng kính tuân theo những khuyên răn của tôn giáo mình, ta cũng sẽ không tiếp nhận được Thánh Linh là cái cao siêu hơn mình.

Thượng Đế và khoa học

Nhà vật lí học thiên văn Michel Casse viết: "Tri thức về chân không đã trở thành một điều kiện cần có lập nên một mô hình về thiên nhiên."

Ông coi chân không là cái gì đầy đặn với một định mệnh, và đặt nó lên hàng đầu trong những bàn luận về cội nguồn. Cuối sách, ông còn viết: "Trong chân không là trong nơi chính mình."

Trong cuốn *Dieu et la science* Jean Guilton và hai anh em Bogdanov nhập đề với một câu của Louis Pasteur:

Một chút khoa học khiến xa lánh Thượng Đế, nhưng nhiều hơn thì lại dẫn tới Thượng Đế.

Trang 29, Jean Guilton viết: ...Điều tôi muốn chứng tỏ cùng với hai anh em Bogdanov, dựa trên kiến thức khoa học của họ, là tới cuối thiên kỉ này những tiến bộ của khoa học khiến cho thoáng thấy được một sự kết hợp có thể xảy ra, một sự hội tụ vẫn còn mờ tối giữa tri thức của các nhà vật lí học với tri thức thần học, giữa khoa học và những gì là bí ẩn tối thượng...

Trang 31: ...Chúng ta hiện hữu xuyên qua một "cái gì đó"...

Trang 32:...Tôi luôn nhìn về phía cái bí ẩn đó: bí ẩn của thực tại. Tại sao lại tồn tại? Lần đầu tiên xuất hiện những đáp án tại chân trời của các tri thức. Ta không thể không chú ý tới những tia sáng mới mẻ đó, cũng như không thể thờ ơ với sự khuếch đại của ý thức là kết quả: sẽ không chỉ có bằng chứng – không cần phải chứng minh là có Thượng Đế – mà là một điểm tựa có tính khoa học cho những quan niệm của tôn giáo. Hiện nay, lúc sắp tới của một thế giới mới lạ và rộng mở, một cuộc đối thoại thực giữa Thượng Đế và khoa học có thể bắt đầu.

Như các nhà vật lý thiên văn Igor và Grichka Bogdanov đã nói: "Tại sao lại không có cái gì đó, thay vì chẳng có gì hết?"

Trích dẫn Đức Đạt Lai Lạt Ma (trong cuốn *La Force du Bouddhisme*):

Trang 226:...Nếu sống là đi tới thống nhất, tới cái toàn cầu, điều nhiều nhà khoa học mơ ước là hợp nhất 4 loại sức mạnh (vật chất, thực vật, thú vật và con người). Cái sức mạnh duy nhất đó, luôn còn nguyên và chỉ tùy thuộc chính nó, khiến nhớ tới cái trực giác xưa kia của Phật giáo về một thần hồn tinh vi, bền vững, nguyên nhân đầu tiên của vạn vật và do đó của chính nó.

Phật giáo vô cùng gắn bó với cái sức mạnh đó – đương nhiên đó là một sức mạnh trung tính, vô tình – một kích thích của tình thương mà chúng ta vô ích tìm kiếm trong lực dẫn, trong điện lực, hay trong năng lượng nguyên tử...

Tất cả chúng ta đều thiếu thốn cái gì đó. Tôi không biết đó là gì, nhưng cảm nhận được. Ở đây các bạn có tất cả. Tôi thiếu là các bạn nghĩ như vậy. Ngay cả khi các bạn trải qua một cuộc khủng hoảng, tất cả các cửa của cái vật chất vẫn còn đó, có lẽ được đồng đều phân phát hơn trước kia. Nhưng hình như các bạn đang sống trong tình trạng căng thẳng, trong sự cạnh tranh và luôn lo sợ. Những ai lớn lên trong cái không khí đó sẽ suốt đời họ thiếu thốn cái gì đó.

Cái họ thiếu thốn là gì?

Đó là cái kích thước dễ chịu nhất, thâm sâu nhất và phong phú nhất. Họ còn trên mặt biển mà không nhận biết được dưới đó là sự trầm tĩnh.

Tôi hết sức tôn kính Đức Đạt Lai Lạt Ma , một người an vui, rất dũng cảm, đầy tình thương và lòng từ bi.

Về đoạn: "Tất cả chúng ta đều thiếu thốn cái gì đó. Tôi không biết đó là gì, nhưng cảm nhận được..." tôi tự hỏi cái thiếu thốn đó, cái gì đó, là Subud?

Về tình trạng hiện nay của thế giới, mỗi ngày, nơi mình, thiên hạ càng lúc càng đau khổ, buồn chán, càng lúc càng có những vấn đề khó giải, và đó là điều làm cho trở nên nặng nề nội tâm và cái không khí chung quanh mình.

Về điều đó Bapak nói với chúng ta: "Vai trò hội viên Subud là làm giảm bớt cái thực trạng đó, và do đó chúng ta phải chăm lo cho nội tâm luôn tĩnh lặng, không bị ảnh hưởng bởi thị hiếu và tư tưởng, để sự hiện diện của mình như một đại dương trong đó những lục đục và sai sót của những ai đến gần mình sẽ bị vớt bỏ và rửa sạch. Để được như vậy thì phải luôn gần cận latihan kedjiwaan."

Mỗi người đều vốn có những chỉ thị tiên nghiệm trong kinh nội tâm mình, những huấn thị của Thượng Đế, những gì khắc sâu trong linh hồn. Nhưng không mấy ai ý thức được.

Kinh nghiệm của chúng ta cho thấy là mình mình biết được và tuân theo những khuyên răn đó, những gì được khai thị trong tình trạng trống không, không bị ảnh hưởng bởi ý nghĩ, tình cảm và thị hiếu.

Chân không trở nên lớn hơn

Bằng cách có những ý nghĩ này tới những ý nghĩ khác, chúng ta diễn đạt động tác của cuộc sống. Những ý nghĩ đó diễn ra trên thức trường (champ de conscience)

Khoa học cho chúng ta hay một vật thể hình thù cứng rắn nhìn thấy thực ra bao gồm những nguyên tử cách biệt nhau bởi những không gian xen kẽ. Vật thể trông có vẻ đầy đặn và chắc nịch là một ảo ảnh của thị giác, do khuyết điểm của cơ thị. Nhưng trong đời sống thực tế, điều đó không đáng ngại.

Trong một cơ thể đầy sức sống, những chân không khiến cho nó hoạt động một cách bình thường và tốt đẹp, như bài viết này, những không gian trống không khiến cho văn trở nên sáng sủa, phát huy thành những câu văn đầy nhạc tính.

Khi thư thái, trầm tĩnh, chú tâm nghe âm nhạc, những âm thanh và im lặng tiếp nối nhau, chúng ta nhận thấy những sắc thái và tương phản, nhờ những không gian của sự im lặng, điều làm cho những câu văn đầy nhạc tính trở nên có ý nghĩa và trân quý.

Tại sao chúng ta lại gắn bó với những quan niệm, tín ngưỡng và kiêng kỵ của mình? Bởi những ý nghĩ của mình tạo thành một khối thuần nhất, không kẽ hở, nên ta khó chấp nhận những lối nghĩ khác, và đó là điều tạo nên sự cỗi cộ của tư tưởng. Ngoài ra, chúng ta còn bị ảnh hưởng bởi sự thu hút của những diễn thuyết văn vẻ, những lập luận kiểu cách.

Làm cách nào được giải thoát khỏi sự ngạo mạn làm cho mình tin chỉ có mình là đúng?

Làm cách nào làm cho đời sống nội tâm chân chính của mình phát triển và thành sự thật? Đó là việc tạo không gian cho nhân chứng nội tâm. Điều đó có thể làm được, ngay khi chúng ta được khai mở trong Subud.

Chúng ta sẽ có một thái độ mới khiến mình tránh được việc kè cạ với những phản biện, những tranh cãi vô ích.

Trong sự tu tập của Subud, cái chân không đó được tạo nên bởi quyền năng của Thượng Đế, khiến chúng ta nhận được một sự chấn động làm mình cử động để thanh lọc. Chúng ta cảm thấy (tôi nói là cảm thấy, chứ không là tưởng tượng) bên trong sự sống mình có một sự sống của Ai Đó mà chúng ta học cách làm quen và cố gắng tuân theo. Khi có thể noi theo hướng đạo đó của nội tâm, chúng ta sẽ hạnh phúc. Điều đó đôi khi biểu hiện bằng một tiếng cười lớn xuất phát từ nội tâm, một cách tự nhiên.

Sự sống đó trong đạo Hồi người ta gọi là Roh Ilofi, và trong đạo Thiên Chúa là Thánh Linh.

Trong cuốn Advice for Helpers ta đọc thấy nơi trang 141 về thôi miên, thông linh và vv...:

„...Hãy trở nên trống không mỗi lần tiếp nhận latihan, trống không tưởng tượng, trống không tư tưởng. Bapak mong rằng các bạn sẽ đừng kiên trì để cho sự hiểu biết của óc não tham dự, chẳng hạn như thôi miên, thông linh, phương thuật,

những gì do sự hiểu biết của con người, sự hiểu biết của óc não và thị hiếu. Bằng cách dùng những phương pháp đó, ta tập trung tư tưởng và tưởng tượng, còn latihan thì tạo nên một sự trống không, thậm chí một sự giải thoát. Tiếp tục tập trung tưởng tượng, ta khó nhận được ân huệ sự giáo hóa của Thượng Đế."

Cái khoảng trống đó Thượng Đế thường chiếm lấy, chẳng hạn bằng cách nhắc đi nhắc lại danh hiệu của Thượng Đế. Điều đó khiến có trách nhiệm, điều ta không nên coi thường, bởi không ít thì nhiều ta trở nên nơi ký thác của ý Thượng Đế.

Tôi nhận thấy cái quá trình thanh lọc càng xảy ra, thì khoảng trống của nội tâm càng trở nên lớn hơn, khiến tạo nên những hiện tượng tự động. Chẳng hạn, mỗi sáng sau khi rửa ráy xong, tôi được khiến cho vào phòng làm việc để tập theo lối tu mà Thượng Đế muốn.

Trong lúc đứng, tôi xin Thượng Đế hướng dẫn Richard Milles trên con đường cao quý trên cái thế gian này và tại thế giới bên kia. Cơ thể lắc lư, tôi tự động cầu nguyện., kêu gọi đi kêu gọi lại danh hiệu của Thượng Đế Đó là một ngày bình an.

Thượng Đế thông suốt mọi việc, Thượng Đế biết được tất cả. Thượng Đế biết được những gì chúng ta cần, để cho mình phép được dùng những ân huệ của Thượng Đế, cho chúng ta được thanh lọc khiến tiếp nhận được. Điều đó không thể xảy ra, nếu chúng luôn dùng trí tuệ và mong muốn, những gì không đủ thẩm quyền.

Cơ thể chúng ta được trang bị để đối diện những nhu cầu của trần gian, nên chúng ta phải dùng nó đúng cách, trong mọi trường hợp. Nếu không thích đáng dùng năng khiếu mình cho hai bốn phận là lao động cho cuộc sống trên trần gian và phụng thờ Tạo Hóa, chúng ta sẽ phạm phải một lỗi lầm trọng đại.

Bapak đã truyền sự giao tiếp cho tôi làm thức tỉnh cái Tôi

thâm sâu của nhân cách. Thành phụ tá của Bapak, tôi thích đáng dùng điều đó để truyền lại sự giao tiếp đó cho 50 anh em trong Subud.

Đời sống nội tâm cần cho sự an bình của mình.

Thư cho dân Phi-líp-phê của tông đồ Phê-Rô (bản dịch nhóm Công giáo Giờ Kinh Phụng Vụ):

Anh em đừng lo lắng gì cả. Nhưng trong mọi hoàn cảnh, anh em cứ đem lời cầu khẩn, van xin và tạ ơn, mà giải bày trước mặt Thiên Chúa những điều anh em thỉnh nguyện. 7 Và bình an của Thiên Chúa, bình an vượt lên trên mọi hiểu biết, sẽ giữ cho lòng trí anh em được kết hợp với Đức Ki-tô Giê-su. 8 Ngoài ra, thưa anh em, những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực tinh tuyền, những gì là đáng mến và đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh, đáng khen, thì xin anh em hãy để ý. 9 Những gì anh em đã học hỏi, đã lãnh nhận, đã nghe, đã thấy ở nơi tôi, thì hãy đem ra thực hành, và Thiên Chúa là nguồn bình an sẽ ở với anh em.

Tôi cảm thấy mình thuận với lời khuyên của Thánh Phê-Rô, đặc biệt câu: "Nguồn bình an đó vượt lên trên mọi hiểu biết."

Trong một đoạn khác, Thánh Phê-Rô nói với dân Cô-lô-xê: "Các anh em hãy tự thử xét mình. Mình đích thực là người Thiên Chúa giáo? Các anh em đã qua được thử xét đó?" Ông còn nói: "Món quà cho sự cứu thoát khiến được đời sống vĩnh hằng là cho không. Các anh em không thể làm bất cứ gì để có nó, hay xứng đáng được nó."

Tràng hạt nội tâm

Tôi được dịp đến thăm các thầy tu của trung tâm Vedanta Ramakrishna ở Gretz và trong những tu viện Thiên Chúa giáo, kể cả các nhà sư Phật giáo. Nhận thấy có những người lần tràng hạt, tôi hỏi: "Như vậy để làm gì?" Họ đáp: "Để giúp cho chúng tôi tụng niệm." Khi tôi tập yoga, tôi không dùng một tràng hạt, mà là một thần chú của Ramakrishna.

Tu tập theo Subud tôi nhận được một tràng hạt nội tâm, và đó không là một vật hữu hình có thể lần với ngón tay, mà là một tiếng vô hình, thánh thiện, không học của ai, tiếng của Thượng Đế: Allah. Niệm đi niệm lại danh hiệu của Thượng Đế đã thay thế cho niệm thần chú. Điều đó tự động xảy ra, hoặc lớn tiếng, hoặc âm thầm, trong tâm hồn, ngay cả những lúc ăn uống.

Tôi có thể yên lặng ăn uống, một cách chậm chạp, với một khoảng cách giữa hai miếng ăn, khiến thưởng thức được những thức ăn đậm bạc nhất, và nhất là khiến ăn uống bớt đi. Việc đó khiến tôi hiểu được điều Bapak nói: "Các bạn ăn đồ ăn, hay đồ ăn ăn mình?" Tôi học được cách ăn uống, không là ăn ngẫu nhiên. Nhờ vậy mà được mạnh khỏe.

Thực ra điều đó không khó khăn! Người ta luôn khuyên là phải mất thời gian để nhai thức ăn, vì sự tiêu hóa trong miệng sẽ khiến cho bao tử làm việc dễ dàng hơn. Vừa ăn vừa xem TV là không đúng!

Đạo đức và tôn giáo

Sống thì phải có cho và có nhận, có nhận và có cho.

Lối tu tập của Subud khiến chúng ta hiểu được sự thật của Phúc Âm (cùng với những gì trong thông báo Verista Splendor của Đức Giáo Hoàng Jean Paul II). Lối tu tập đó lọc sạch chúng ta khỏi những khứ tật gần đây hay xưa kia, giải thoát mình khỏi tội ác.

Chúng ta miễn phí nhận được Tình Thương của Tạo Hóa. Như Thánh Phê-Rô: "Món quà sự vĩnh hằng hoàn toàn miễn phí; ta không thể làm bất cứ gì để có hay xứng đáng được nó."

Trong Subud đó là việc tiếp nhận được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế.

Những gì chúng ta tiếp nhận trong Subud không đổi nghịch Phúc Âm và những bài văn của Jean Paul II. Như Giê-Su đã ban cho chúng ta Tình Thương của người cha là Thượng Đế, chúng ta, tùy theo khả năng mình, cũng phải miễn phí cái tình thương cho những ai đến gần mình.

Chúng ta cũng cảm nhận được sự bình an mình tiếp nhận. Cái đó chúng ta phải ban tặng, như vậy thì có một sự quân bình giữa sự có cho và có nhận.

Ngày 28 tháng 11 1976 từ La Croix của Thiên Chúa giáo cho đăng những lời sau đây của Giáo Hoàng Paul VI trước

hàng tín đồ:

Đặc điểm thời đại chúng ta là một căn bệnh đầy chấn thương tiếp theo hai cuộc thế chiến đẫm máu, với những cuộc cách mạng và đối nghịch xã hội làm tăng thêm sự bất an của tinh thần. Thời đại chúng ta không hạnh phúc, ngay cả khi mang mặt nạ của những thú vui phù phiếm.

Tâm lí con người hiện nay bao gồm đấng cay, tinh thần cách mạng và thù hận.

Những cuộc cách mạng đã trở thành một sinh tật. Biết bao quốc gia đã lập trên công thức này: chúng tôi là một quốc gia cách mạng...

Ngay cả những nỗ lực đáng khen cho trật tự và sự phú cường của thế giới thường chỉ khêu gợi lại những yếu kém, bất công và đau khổ của nhân loại.

...(Phải có một ngôn sứ đến) để lên án sự đau khổ càng lúc càng gia tăng của nội tâm, khi càng lúc càng thêm nhiều của cải...(Như vậy thì) càng có nhiều hơn trên trái đất những khổ khổ, thất vọng và đau đớn, thay vì bớt đi trong hạnh phúc bình an đáng lí ra phải có do những của cải đó...Những bất an đó dễ lây trong ngay cả một vài khu vực của Giáo Hội...

Tại Vatican ngày 16 tháng 10 2002, Jean Paul II viết những điều dưới đây về Saint Rosaire (kinh lần tràng hạt) cho các giám mục và tín đồ:

Những khó khăn của thế giới đầu kỷ nguyên này khiến chúng ta phải nghĩ rằng chỉ có sự can thiệp từ BÊN TRÊN, điều có khả năng hướng dẫn tâm hồn của những ai sống trong tình cảnh xung đột, của những ai chủ trì định mệnh các quốc gia, thì như vậy mới mong có một tương kếm mờ ám hơn.

Về điều đó thì hai vị giáo hoàng Paul VI trong năm 1976

và Jean Paul II trong năm 2002 còn nói thêm là thực ra nếu thiếu sự can thiệp của Thượng Đế, thế giới sẽ còn trong bóng tối và cuộc sống hiện nay của chúng ta trong sai lạc và sợ hãi.

Nghĩa lí đời người

Người ta nói rằng khi Adam được Thượng Đế, Tọa hóa của vũ trụ hữu hình cũng như vô hình, đặt để trên cái thế gian này, Adam đã than trách: "Chúa ơi, con không thích cái thế gian này. Tại sao Chúa lại đặt để con nơi đây? Con không muốn ra khỏi Thiên Đàng, bởi trên cái thế gian này, con phải đối diện nhiều cám dỗ, nhiều rối loạn và vấn đề. Con phải lao động cực nhọc, phải nỗ lực để có tất cả những gì mình cần. Xin Chúa hãy đem con trở về nơi của mình là Thiên Đàng."

Thượng Đế nói với Adam: "Adam, con không hiểu. Ta đặt để con trên cái thế gian này, bởi bốn phận con là nghiệm thấy việc Ta tạo ra đó là để cho con tìm thấy chân tính mình, cho con hiểu biết chính mình. Con sẽ không xa cách Ta, bởi Ta luôn nơi con, và tất cả những gì con phải đối phó, mỗi vấn đề con đối phó. Ta sẽ bên con, sẽ hướng dẫn con trên cái thế gian này, rồi đem con về nơi từ đó con đến."

Trở về cội nguồn

Như Adam, con người đầu tiên trên trần gian, chúng ta cũng phải đối diện nhiều cám dỗ, nhiễu loạn và vấn đề trên cái thế giới hiện nay – những điều chắc chắn còn phức tạp và khiến lo nghĩ nhiều hơn những gì của thủy tổ Adam. Chúng ta cũng phải lao động cực nhọc theo chân tài mình, và cái đó thì chỉ Thượng Đế mới khiến chúng ta biết được. Chúng ta chưa quen biết Thiên Đàng, nhưng Thượng Đế đã tạo ra con người bằng cách khắc vào nội tâm những chỉ thị của Thượng Đế, và đặt vào đó Tình Thương, sự An Vui và nhất là Ý Muốn của Thượng Đế. Hình như điều này là bình thường và chính đáng, nếu ta yêu kính và phục tùng ý Thượng Đế. Khi chúng ta vui lòng chân thành tiếp nhận một cách kiên nhẫn và không lo sợ, Thượng Đế sẽ quyết định ban cho mình.

Hiện nay, chúng ta đã tới một tình cảnh trong đó con người chỉ tin cậy những gì là cụ thể, có thể nhìn thấy, nghe thấy, đụng vào; những gì rõ ràng và vững chắc. Lỗi suy nghĩ với lô-gích khiến ta nghĩ rằng mình luôn đúng, và những gì người khác nghĩ là sai... Kể từ thời Adam, tư tưởng, trí tuệ của con người, không ngót phát triển, nên không có nhiều người tin ở sự im lặng của tư tưởng trong nội tâm, ở cái khoảng trống giữa hai ý nghĩ. Nhà thiên văn vật lí Michel Case viết: "Trong chân không là trong nơi của chính mình."

Nhận thấy cái chân không nơi chính mình khiến ta ý thức được mình có hai bổn phận khẩn thiết trên trần gian: lao động cực nhọc, như Thượng Đế đã nói với Adam, để trước hết đối diện những trách nhiệm của một người chủ gia đình, một cách tối đa tốt đẹp, và kể đến là yêu kính và tuân theo ý Thượng Đế là Tạo Hóa, để cho khi chết, cũng như Adam, chúng ta có thể trở về cội nguồn mình.

Cái cười

Cái thế gian này thật buồn chán! Những đam mê, những suy đoán của trí tuệ, những vấn đề tạo nên bởi thị hiếu và tưởng tượng khiến ta lo lắng, bận lòng để trở thành nô lệ của một sự buồn chán không thể làm cho mất đi. Mối ta dúm lại trong thế đối nghịch, như sắp cắn ai. Trời ơi, tất cả những điều đó thật đáng buồn!

Trong cái latihan đầu tiên, ngày 20 tháng 11 1959, tôi tiếp nhận được một tiếng cười lớn xuất phát từ linh hồn, từ Thượng Đế. Cái cười đó chiếm lấy cơ thể tôi, làm thư giãn môi tôi, tôi sung sướng vô cùng, sự sung sướng của một nội tâm thức tỉnh. Nó dần dần được thiên hạ chú ý tới...Điều kỳ ngộ là nó tự động xảy ra, vì tôi đã không làm bất cứ gì khiến có được. Nó làm cho thiên hạ nhận thấy theo nhiều cách. Có những kẻ thích nó, vì nó khiến họ được thư thái, thoải mái; họ cần cười, khuôn mặt họ, trong vài giây phút, phản ánh sự thích thú (vài phút trong ngày được hạnh phúc thì quá ít!). Có những kẻ trở nên co cụm khi họ nghe thấy nó: "Bạn khiến mình bức bối!" hay: "Anh chế nhạo chúng

tôi!" Cũng có những kẻ nói với tôi: "Bạn tự ép làm cho mình cười." Khi nghe họ nói như vậy, tôi lại càng cười nhiều hơn. Hãy tha thứ cho tôi, tôi không thể làm cách nào khác hơn. Trong một cuộc trò chuyện mà tôi cảm thấy người ta dài lâu dựa và những nghịch lí và không khí thì trở nên nặng nề, có điều gì đó nơi mình nói với tôi: "Đừng nói gì nữa," và đừng một cái, tôi cảm lạnh, đôi khi với một vẻ người ta cho là đần độn. Thế rồi chợt nhiên lòng tôi vui sướng, và một trận cười bùng nổ trên miệng lưỡi, cười cho thích. Cái cười mà Thượng Đế ban cho đó có thể làm cho những ai nghe thấy trở nên bớt căng thẳng. Chỉ có những kẻ thiếu cởi mở là không muốn cười: phải nghiêm trang, họ nói, đừng điên khùng như thằng cha đang cười mà không hiểu tại sao! Thực vậy, tôi cười mà không hiểu tại sao, và như vậy lại càng làm cho tôi cười nhiều hơn; cười mà chính mình cũng không biết tại sao, bởi tôi thấy mệt mỏi nếu phải suy nghĩ về cái tại sao đó. Trời ơi, đó là những thắc mắc, những 'tại sao' của cái Tôi, của lòng kiêu ngạo, những gì muốn mình giải mọi chuyện. Thực ra, những chuyện đó chẳng có gì cần phải mình giải.

Tại sao Richard lại cười? Chỉ là thế này: hẳn vui sướng đã tiếp nhận được sự vui mừng của Thượng Đế. Như thế đấy! Đi tìm những gì khác là đi lầm đường, là làm cho cuộc đời trở nên phức tạp. Tất nhiên, điều này là thời thượng, khi làm cho cuộc đời trở nên phức tạp, cho đời mình và đời những người khác.

Laο động trong niềm vui, dù tại bất cứ đâu và làm bất cứ gì, ta sẽ thấy cái cười giúp cho đối phó những trách nhiệm của mình. Nếu thiếu ân huệ của Thượng Đế, ta sẽ không biết được những gì là chắc chắn; do đó mà những kẻ chưa nhận được cái ân huệ đó đều chần chừ do dự, bởi ảnh hưởng của những quảng cáo mới nhất, những quan niệm mới nhất, những ấn tượng mới nhất; họ dò dẫm, mất phí thì giờ, trở nên căng thẳng và mệt mỏi một cách vô ích. Thượng Đế đã khiến cho tôi chắc chắn biết được là mình làm việc trong niềm vui, cũng như chắc chắn biết được sự giải thoát của một người chết và niềm vui sau cái chết. Khi nhiều người cùng

cười, họ không thể chê bai nhau; mọi người đều vui; không còn gì là đáng buồn, không còn những giằng co, không còn những ý nghĩ mông lung; chỉ có một sự trống không, và sự trống không đó đầy đủ nhận được Niềm Vui của Thượng Đế, trong đó ta cảm thấy một sự thống nhất.

Niềm cực lạc đó không là cái gì bí ẩn, đó là một thực tại mình thường nghiệm thấy, và nó không do học hỏi: không có trường học nào cho nó. Thượng Đế cho mình biết được, khi chúng ta phó thác cho ý Thượng Đế, trong sự im lặng của nội tâm. Điều này thật quý báu, trong một thời đại đầy lo âu, luôn co cụm và lao碌, nếu tiếp nhận được một sự tự do mà linh hồn rung động vì cực lạc.

Nơi công sở một kẻ nợ nói với tôi: "Chúng ta phải thu thanh cái cười của Richard. Khi anh ấy về hưu thì sẽ không còn cái cười đó nữa." Có một câu cách ngôn cổ xưa: "Thuốc men không bằng một trái tim vui vẻ."

Dưới đây là một bằng chứng mà Má Prio Hartono thuật lại ở Canada:

Tôi có thể kể cho các bạn nghe một câu chuyện. Tôi có một người bạn là đại tá, anh còn khá trẻ khi lên tới cấp bậc đó. Tất nhiên, vì trách nhiệm và bổn phận (nhất là trong lúc chiến tranh) anh phải tỏ vẻ nghiêm chỉnh và trang trọng; anh không bao giờ cười. Anh biết tôi đã vào Subud nhưng chưa từng cũng muốn gia nhập. Hồi đó là lúc tôi mới vào Subud, và một hội viên mới thì luôn muốn nói tới Subud với bất cứ ai. Nên tôi tuyên truyền cho anh nghe, trái với lời khuyên của Bapak. Anh nhận thấy sức khỏe tôi trở nên khá hơn, khi tôi vào Subud. Anh nói:

- Bác sĩ cho hay tôi có 15kg khối u trong bao tử, và ông tiên đoán nếu cứ tiếp tục, tôi sẽ chết trong vòng 15 ngày. Nên tôi muốn anh đem tôi tới gặp Bapak. Biết đâu chừng, tôi có thể lành bệnh.

Ngày hôm sau anh đến nhà tôi để chúng tôi cùng nhau tới nơi anh được khai mở. Hồi đó, chưa có thời kì dự bị. Ngay khi được khai mở, anh nằm dựa lưng trên sàn nhà và bắt đầu cười. Tôi lấy làm lạ vì chưa từng thấy anh cười trước đó, và cách cười của anh thật kì ngộ. Kỉ luật quân đội không cho phép anh cười, nhưng anh cứ cười, cười và cười: "Ha! ha! Ha!" Sau 45 phút, latihan chấm dứt, mọi người đi ra ngoài; một phụ tá đến bảo anh thôi tập. Chính tôi cũng không thể không cười. Anh bực tức nói: "Tại sao anh lại chọc tức tôi?" Tôi cố gắng làm cho mình không cười nữa. Sau latihan chúng tôi ngồi chung với Bapak, và bởi vẫn còn tiếp nhận latihan nên anh luôn cười. Biết anh có thể tức giận nên mọi người tỏ vẻ điềm nhiên. Tôi nghĩ là đêm hôm đó anh đã cười thêm trong một tiếng đồng hồ, và cuối cùng chúng tôi cùng nhau ra về nhưng anh không nói với tôi lời nào. Trong cái latihan tiếp theo, anh cũng y như vậy; anh cứ cười và cười; khi latihan chấm dứt, anh tỏ vẻ lúng túng khi ngồi chung với những người khác. Anh đã tập được 3 cái latihan và còn luôn cười; 3 cái latihan tức là được một tuần. Chủ Nhật, anh đến gặp tôi nói: "Anh biết điều gì đã xảy ra cho tôi không? Tôi đi khám bệnh trở lại, và lần này thì không còn khối u nữa." Tôi thấy trong lúc anh cười, bụng anh đã rung động, và đó là điều làm mất khối u của anh.

Cái cười là điều gì lành mạnh, nó đến từ một cội nguồn tốt lành. Khi cười, chúng ta được rọi sáng bởi linh quang của Thượng Đế.

Phép màu

Phép màu là sự kiện phi thường mà người ta cho là mang một ý nghĩa tâm linh do tác động nhân từ của thần quyền. Phép màu xảy ra một cách bất ngờ để báo tin mừng, một điều phi thường khó thấy trong thực tế. Không có thời đại nào mà thiếu phép màu. Những ai là nhân chứng không thể xóa bỏ nó trong kí ức họ, nhưng họ đã không biết trước được, khi nào và như thế nào nó xảy ra. Có những phép màu nhỏ chỉ liên quan tới cá nhân để trở thành một con người khác hơn, và có những phép màu lớn liên quan tới nhiều người trong nhân loại.

Có thể nói sự xuất hiện của Subud trên trần gian là một phép màu, thậm chí một phép màu rất lớn, một điều phi thường trong đó ta nhận diện được sự can thiệp của Thượng Đế trên trần gian. Lối tu tập của Subud tự nó là một phép màu liên quan tới hàng ngàn người, một cách bất ngờ để báo tin mừng.

Thượng Đế đã gán cho con người một định mệnh hợp với bản tính mình, tức là một cuộc sống cao quý, tốt lành, hạnh phúc và an hòa. Nhưng con người mang nơi mình một quá khứ, phương Đông gọi là nghiệp và phương Tây là di truyền, trong đó ta nằm dưới quyền của dục vọng và những sao chiếu mệnh. Cái nghiệp đó cố định, ta không có dịp may, triển vọng được giải thoát?

Đối với con người phép mầu chính là cái khả năng Thượng Đế ban cho để phá đứt xiềng xích của nghiệp chướng khiến đạt tới một định mệnh cao quý và trong lành. Ngay khi nhận được ân huệ Thượng Đế, ta bắt đầu trở về những cội nguồn trong lành của mình; dần dần ta tránh xa được những gì là tiền định để đi tìm chân mệnh mình, cội nguồn mình; và sự đi tìm đó được thể hiện nơi mình bằng một niềm vui mà ngôn từ không thể diễn tả.

Nhưng chúng ta luôn được tự do tuân theo ý Thượng Đế, hay theo những dự vọng trời buộc mình vào những gì là tiền định.

Phải có một sức lực mãnh liệt của nội tâm để dẫn đạo mình trên con đường tâm linh đó. Trên con đường đó, sự an bình và tình thương tìm thấy thật tuyệt vời! Đương nhiên là phải đau khổ, nhưng ta luôn siêu nghiệm được quyền năng của Thượng Đế trong những lúc khó khăn. Ta sẽ hiểu được lối tu tập mà mình theo là một trong những ân huệ Thượng Đế ban cho những ai có thể tiếp nhận.

Có những người khác, bên ngoài Subud, cũng tiếp nhận được cái ân huệ đó. Những tác phẩm của các ngôn sứ, của các vị thanh trong mọi tôn giáo, làm chứng cho cái ân huệ đã chuyển hóa cuộc đời họ.

Subud không thể có những giáo phái, bởi chúng ta biết rằng không chỉ trong Subud là nhận được ân huệ của Thánh Linh. Trong Subud thiên hạ theo những tôn giáo khác nhau, nhưng phụng thờ một Thượng Đế Duy Nhất. Ta có thể không ngần ngại mình nói láo khi nói: những gì chúng tôi nhận được trong Subud là một trong những ân huệ Thượng Đế ban cho loài người.

Đó là phép mầu!

Thượng Đế nào?

Thượng Đế mà bạn cho là mình phụng thờ là Thượng Đế nào? Thượng Đế của Thiên Chúa giáo? Thượng Đế (Allah) của Hồi giáo? Thượng Đế của Do Thái giáo? Một hay nhiều Thượng Đế của Phật giáo? Tuy Phật giáo không có khái niệm Thượng Đế.

Thượng Đế là Toàn Năng và Duy Nhất, không thuộc một phe phái nào, một tôn giáo đặc biệt nào. Thượng Đế mà các ngôn sứ đã phụng thờ và yêu cầu ta phụng thờ, là Tạo Hóa của cái Vũ Trụ hữu hình cũng như vô hình.

Chúa Giê-su đã nói: "Các anh em phải phụng thờ Thượng Đế trong Tinh Thần và Sự Thật." Thượng Đế luôn nơi mình, nếu chúng ta chỉ phó mặc cho Thượng Đế, và chỉ yêu kính Thượng Đế hơn tất cả những gì khác.

Người Thiên Chúa giáo cầu nguyện: "Con xin làm theo ý Chúa trên trần cũng như trên trời."

Kinh Quran nói: "Không linh hồn nào đạt được Đức Tin nếu thiếu ân huệ của Thượng Đế."

Trong Surah Yusuf, câu thơ 53: "Tiếc thay! Dục vọng mình cũng như của bất cứ ai. Dục vọng luôn đẩy vào con đường của tội ác, nếu không nhận được ân huệ Thượng Đế; Thượng

Để nhân từ và khoan hồng.”

Câu thơ 40: “Các người chỉ phụng thờ những danh hiệu phù phiếm, những gì các người cùng cha ông các người đã tạo ra, những gì không là Thiên Khải. Mọi quyền hành đều xuất phát từ Thượng Đế. Thượng Đế ấn định không được phụng thờ bất cứ ai ngoài Thượng Đế. Đó là sự phụng thờ chân chính.”

Tất cả những Thiên Khải đó đã được tiếp nhận bởi các ngôn sứ của mọi thời đại, những gì xuất phát từ ân huệ Thượng Đế Duy Nhất. Thượng Đế của Abraham, Mose, Giê-su và Muhammed, Thượng Đế của tất cả những ai nhận được những thông điệp truyền lại cho nhân loại, là một Thượng Đế Duy Nhất. Thực ra, chỉ có một Thượng Đế mà loài người đã ban cho những danh hiệu khác nhau, tùy theo văn hóa và ngôn ngữ họ. Với người này là Dieu, người kia là God, người kia nữa là Allah...Các ngôn sứ luôn khuyên ta phụng thờ Thượng Đế.

Trong nhiều năm, tại Medjugorje nước Yougoslavie, kể từ ngày 24 tháng 6 1981, Đức Mẹ hiển linh cho 6 đứa bé. Ngày 16 tháng 6 1983, một đứa bé truyền lại sự giao tiếp đó: “Thượng Đế là Chân Lí. Thượng Đế hiện hữu. Nơi Thượng Đế là hạnh phúc và sự toàn vẹn của cuộc sống. Ta đến đây để nói với thế giới là cần có hòa bình cho sự giải thoát của nhân loại. Nơi Thượng Đế là chân phúc từ đó là hòa bình đích thực...Hoàn toàn phó thác cho Thượng Đế, chừa bỏ những dục vọng hỗn độn. Hãy đừng lo sợ, những ai biết cách buông thả sẽ không còn biết lo sợ và chướng ngại là gì...Hãy để cho Thánh Linh hướng dẫn trong đáy lòng, thì sẽ tốt đẹp. Đừng hấp tấp. Để cho mình được hướng dẫn thì mọi chuyện sẽ khả quan. Khó khăn chỉ do Quỷ Vương.”

Ngày 21 tháng 10: “Quan trọng là cầu nguyện cho Thánh Linh đến. Được Thánh Linh thì được tất cả...Trai giới và cầu nguyện có thể ngăn chặn chiến tranh.”

Subud cũng có quy định là chỉ phụng thờ Thượng Đế, nơi mình và trong mọi chuyện; chúng ta thờ Thiên Quyền, chứ không là những ảnh tượng, những quan niệm và thần tượng. Điều đó thì chúng ta đã biết do kinh nghiệm, bởi chúng ta đã tiếp nhận ân huệ của Thượng Đế, gạt bỏ những dục vọng thừa hưởng của quá khứ. Thượng Đế mà chúng ta phụng thờ trong Subud không có hình dạng, bởi có mọi hình dạng. Do đó mà mắt mình không thể nhìn thấy, và ta cũng không thể nắm bắt Thượng Đế với những phương tiện thông thường của tri giác. Thế nên, chúng ta phải phó mặc cho Thượng Đế, chứ không cho những của cải, bạn bè, gia đình, nhà cửa mình vv...Thượng Đế không cần tất cả những thứ đó. Tại sao là thế? Bởi đó là những chướng ngại cho sự phụng thờ Thượng Đế, cho sự giao tiếp với quyền năng và ý muốn của Thượng Đế.

Xin theo ý Cha, như trong Kinh Lạy Cha, chứ không là ý con. Xin cho ý Chúa dẫn ý con, khi con nhìn ai đó, nói chuyện với ai đó, khi con ăn uống, gieo giống trong vườn, khi con lái xe, làm tình, nghe ai đó nói, khi con viết văn vv...

Tất cả các ngôn sứ của nhân loại đã tuân theo cái Ý Muốn Toàn Năng đó làm cho vũ trụ được hài hòa. Thiếu cái Ý Muốn đó trong một nháy mắt thì toàn thể vũ trụ sẽ sụp đổ. Bapak nói rằng Chúa Giê-Su đã tuân theo ý Thượng Đế để truyền lại 100% thông điệp của hòa bình và tình thương. Với chúng ta thì ra sao? Điều này tùy thuộc sự chân thành của lòng tin mình.

Thượng Đế ở đâu? Điều đó Phúc Âm cho hay: "Nước của Chúa là nơi bên trong mình." Không có một nơi chốn đặc biệt nào để phụng thờ Thượng Đế. Có thể phụng thờ Thượng Đế mọi lúc, từ lúc thức dậy tới lúc đi ngủ, trong lúc làm việc, du lịch (bằng máy bay hay xe hơi).

Ta không thể nhìn thấy Thượng Đế, nhưng Thượng Đế lại có thể nhìn thấy mình! Thượng Đế đã tạo ra trời đất mà không theo một khuôn mẫu nào. Cũng không thể có một Thượng Đế

thứ hai, bố hay mẹ của Thượng Đế.

Do sự phụng thờ của chúng ta, Thượng Đế chuẩn bị cho mình, chứ không là những con người (kể cả những con người của khoa học), rời khỏi cái thế gian này khi tới lúc phải ra đi, để tới một thế giới mà Thượng Đế dành cho mình. Thế nên, sự phân cách giữa cuộc sống nơi đây và nơi bên kia sẽ dần dần lu mờ tùy theo sự thanh lọc của mình.

Subud không có giáo lý, không có tôn sư, không có học thuyết, không có thứ bậc. Điều duy nhất phải làm là phó mặc cho Thượng Đế, và sự phó mặc đó không thể truyền dạy từ người này cho người kia, bởi Thượng Đế vượt ra ngoài tất cả những gì chúng ta có thể hiểu và tưởng tượng.

Ân huệ nhận được trong Subud sẽ giúp ta hiểu được điều đó, mà không dùng trí tuệ, bằng cách chấp nhận và tiếp nhận những gì Thượng Đế truyền cho mình, hay cho mình biết, tùy theo bản tính và khả năng của mỗi người.

Những kẻ chối bỏ sự hiện hữu của Thượng Đế không muốn tin vào những dấu ấn của Thượng Đế kể từ khi có loài người. Nhưng mỗi khi ta bối rối, do dự, bàng hoàng và lo sợ, thì có những bằng chứng để chữa trị cơn đau đó.

Trong Subud Thượng Đế đem Thánh Linh tới cho chúng ta, như đã từng cho những ai phó thác cho Thượng Đế, để ý Thượng Đế được thực hiện nơi họ. Cái ân huệ nhận được đó của Thượng Đế không xảy ra qua môi giới của ngôn từ, hay của một nghi lễ đặc biệt, hay qua trung gian của nhân vật nào đó. Nó xảy ra với sự hiện diện của một người đã nhận được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế.

Thư Thánh Phê-Rô cho người Rô-Ma: "Xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng, ban cho anh em được chan chứa niềm vui và bình an nhờ đức tin, để nhờ quyền năng của Thánh Thần, anh em được tràn trề hy vọng."

Cầu nguyện

Trong mọi thời, mọi tôn giáo đều nhìn nhận lợi ích của việc cầu nguyện tập thể.

Subud không có một giáo điều nào, không bắt phải cầu nguyện theo một cách đặc biệt nào, nhưng chúng ta nối kết với quyền năng của Thượng Đế mà mình cảm thấy nơi mình. Điều đòi hỏi duy nhất, trước khi bắt đầu tập latihan, là phó thác cho sự hoạt động nơi mình của quyền năng Thượng Đế. Phó thác tức là không suy nghĩ bất cứ gì, nói cách khác là mất hết thị hiếu và cảm nghĩ để cảm nhận chính mình, trong lúc là một khán giả tĩnh lặng, ý thức được có gì đó cử động không do sự can thiệp của ý chí. Ngay lúc đó, chúng ta nhận thấy nội tâm mình ca tụng Thượng Đế. Đó là ca tụng sự Cao Cả của Thượng Đế, điều thường xảy ra trong ngày khi chúng ta lao động, và đó là lúc mình cảm thấy được bình an. Đi theo con đường cao quý đó của sự toàn thiện, chúng ta sẽ sâu thẳm hiểu được năng lực của cầu nguyện, khiến nhận thấy kết quả của nó không do ngôn từ, mà do cái trạng thái tâm linh ngay lúc mình cầu xin Thượng Đế, cho chính mình hay cho ai đó khác.

Hiệu quả của cầu nguyện tùy thuộc lòng thành và sự cao thượng của những ý định mình. Nếu cầu nguyện với một tấm lòng trong trắng và trong trạng thái trống không, ta sẽ cảm thấy năng lực và lợi ích của nó. Đây là một trải nghiệm cá nhân, mà chỉ hiểu được bởi những ai thành tâm tin ở Thượng Đế và sự cầu nguyện. Nhiều khi, trong lúc tâm mình trống không, ta nhận thấy một sự cầu nguyện không như những cầu nguyện máy móc do miệng lưỡi.

Dưới đây là vài trường hợp về những cầu nguyện của tôi:

Sau khi Swami Siddheswarananda mất (1957), vị hướng đạo tâm linh đầu tiên của tôi, tôi cầu xin mỗi sáng cho có một hướng đạo tâm linh khác, khiến mình có thể tiếp tục tầm đạo. Tôi được toại nguyện 2 năm sau đó, vì ngày 21 tháng 11 1959 ở Paris tôi đứng trước mặt Bapak, vị hướng đạo tâm linh mới của mình cho tới năm 1987. Thực ra, kể từ lúc khai mở, tôi thấy hướng đạo đó là chính nội tâm mình.

Một tháng trước khi ông cụ tôi mất, tôi cầu nguyện trong lúc phụng thờ Thượng Đế. Tôi cầu xin cho mọi việc được ổn thỏa, để ông (các y sĩ đều nói là hết thuốc chữa) có thể đến chết tại Benaix, vì tôi muốn được gần bên ông, khi ông rời khỏi cái trần gian này. Trong những lúc đó, tôi đã nhiều lần cầu nguyện. Điều xảy ra là tuy không thể mang xe tới chỗ ông đi, một người anh em bà con tới Marseille gặp ông, để đề nghị chở ông tới Benaix trong chiếc xe mình, trong đó ghế ngồi có thể biến thành giường nằm (đã thuật lại). Như vậy ông đã đến nơi của chúng tôi 10 ngày trước khi ra đi cái thế gian này. Do đó ông có thể tiếp nhận được sự giao tiếp quyền năng của Thượng Đế, để lên Trời trong sự thanh thản sung sướng, điều vợ chồng tôi có thể là chứng. Tôi tạ ơn Thượng Đế đã toại nguyện mình.

Một trường hợp khác (đã thuật lại) là lúc tôi đau khổ trong một hay hai tháng sau cái chết cô con gái Monique. Lúc đó tôi đã cầu xin và ca tụng Thượng Đế.

Có một cách cầu nguyện của những ai thành tâm có đức tin, trong đó là một trạng thái tĩnh lặng, sáng suốt, trong sự phó thác cho Thượng Đế mà không suy nghĩ gì. Người Thiên Chúa giáo gọi nó là Kinh Cầu Nguyện, và người Hồi giáo là ^Dhiki'r' (việc tụng đi tụng lại danh hiệu của Thượng Đế hay Allah) Khi điều đó xuất phát từ quyền năng của Thượng Đế, ta sẽ nhận thấy được. Đó không là điều do nỗ lực của ý chí và ham muốn, mà được tự động tiếp nhận trong những lúc bất ngờ, đặt mình trong một trạng thái yên lặng và vui sướng.

Theo kinh Quran thì ^Chuyên cần cầu nguyện ta sẽ hạnh phúc. Những gì là lợi ích của Thượng Đế thì không như một món hàng hay một trò tiêu khiển. Thượng Đế là ân nhân sang trọng nhất. Điều tai họa nhất cho con người là quên mất có Thượng Đế."

Trong mọi tôn giáo, mọi chủng tộc, đều có gương mẫu của những người đã hiểu được rằng cần phải cầu nguyện để mật thiết và đích thực giao tiếp với Đấng có thể toại nguyện mình, và chỉ có Thượng Đế mới hiểu được tất cả những gì trong thế giới hữu hình cũng như vô hình. Các ngôn sứ, các vị thánh đã cầu nguyện, đó là vì chúng ta cần được tha thứ, và chúng ta biết rằng Thượng Đế sẽ tha thứ nếu chúng ta xin.

Trong lúc cầu nguyện chúng ta không đơn độc, mà là được nối kết với Thượng Đế nơi thâm sâu nhất của mình, chung quanh mình khắp nơi trong vũ trụ. Cầu nguyện lúc đó là một cuộc đối thoại nhiệt liệt với Thượng Đế, trong một sự bình an và trọn vẹn mà chỉ những ai đã từng trải qua mới hiểu nổi. Đó là lúc trong thế đứng chúng ta được khiến cho cử động và lắc lư, như là Thượng Đế cho mình lấy đà để đẩy mình vào những hoạt động của cuộc sống.

Sự xuất hiện của Subud trong thời đại chúng ta

Cuộc sống luôn thay đổi, luôn động đậy. Hiện nay nhân loại đang đợi chờ một sự thay đổi, bởi thế giới đã tồi tệ.

Các Thánh Thư xưa kia đã tiên tri sự thay đổi đó. Kinh Vệ Đà, thánh thư của phương Đông, nói: "Mỗi lần Thượng Đế nhận thấy sự yếu đuối của loài người trên trần gian với những gì là sợ hãi, hận thù, ganh ghét, dối trá, tham tàn và ngoại tình, thì Thượng Đế sẽ đem đến Linh Quang, Chân Lí, Tri Thức và Tình Thương cho một người là giáo sĩ, sứ giả của Thượng Đế để người đó truyền bá những gì mình đã nhận được cho toàn thể nhân loại, và như vậy thì trần gian sẽ lấy lại được hòa bình, hòa khí, cảm thông và hạnh phúc, để tránh cho chiến tranh và tội ác xảy ra."

Điều nói đó trong các thánh thư đã được kiểm chứng bởi lịch sử của nhân loại, bởi nếu nhìn những gì xảy ra trên trần gian, chúng ta sẽ nhận thấy khi những hoàn cảnh cuộc sống nơi đây trở nên vô cùng kinh khiếp, Thượng Đế luôn giúp đỡ nhân loại, để dẫn dắt ta về con đường của chân lí.

Những khuôn thước của loài người cho xã hội đã thất bại. Các chế độ cộng sản trở nên độc tài, xâm lấn. Các chế độ tư bản bóc lột những ai cần tiền bạc mình, bằng cách biến các tài nguyên thiên nhiên cho quyền lợi mình. Cuồng tín tôn giáo xô đẩy các tín đồ gây chiến tranh nhân danh Thượng Đế.

Có thể nói chúng ta đang sống trong một thời đại của sự tột cùng sợ hãi, và nhân loại đang đợi chờ sẽ có một cuộc sống khá hơn. Chúng ta đang sống trong kỷ nguyên của sắt thép, trong đó những mảnh lực vật chất tạo ra có nguy cơ sẽ hủy diệt mình. Thế giới luôn sùng bái con bò vàng (*), như trong thời Mô-Se.

(*) Trong lúc Mô-Sê vắng mặt lên núi để nhận chỉ thị của Thượng Đế, dân Do Thái dựng lên một con bò bằng vàng để tôn thờ thay cho Thượng Đế.

Còn lại là những gì? Là những Người, nhờ ân huệ Thượng Đế, mang trong mình hạt giống của một kỷ nguyên mới.

Những tiền đề của cái kỷ nguyên mới đó là gì? Sau cơn mưa trời lại sáng, sau một thời kì hỗn loạn là một thời kì khác và vv...Nhưng tất cả bắt đầu với những gì nhỏ bé, để sau này lớn thành.

Subud bắt đầu với một người, rồi hai, rồi ba...Hiện nay Hội Subud đã bành trướng tới 80 quốc gia, hàng ngàn người, nam lẫn nữ, đã nhận được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế.

Thượng Đế ban ân huệ cho những ai vui lòng tiếp nhận, trong Subud cũng như ngoài Subud. Trong một thời đại mà điều này là cần thiết, người đó là ai, nhờ đó quyền năng của Thượng Đế lan truyền trên trần gian ?

Subud đã được báo trước

Sự ra đời của Subud không là một biến cố tình cờ. Do ân huệ Thượng Đế, nhiều người đã nhận được những chỉ dẫn về việc đó.

Ở Hà Lan người ta kể lại rằng có một người Hồi giáo phương Đông không râu ria sẽ đến phương Tây, để làm thức tỉnh những ai từ lâu đã xa lánh Thượng Đế.

Trong những năm 1920/30 những người Hà Lan sinh sống ở Indonesia thuật lại rằng sẽ có một sứ giả của Thượng Đế đến trần gian, và có những dấu hiệu cho biến cố đó, điều gọi là "Ngôi Sao của phương Đông." Người ta đã bàn luận nhiều về chuyện đó. Tin đồn đó còn cho biết rõ sứ giả đó đã đến trong năm 1901. Điều xảy ra là Bapak sinh ra ngày 22 tháng 6 1901, lúc bình minh.

Tại xứ Nepal trên núi Himalaya, trong một buổi họp của những đầu não tâm linh trên thế giới, đặc biệt của Phật giáo, người ta đề cập tới một hiệp hội sẽ thành lập mang tên Dharma, và hiệp hội đó sẽ có thể kết hợp những người quốc tịch khác nhau, theo những học phái huyền bí và những tôn giáo không như nhau.

Thành lập năm 1947 tại Indonesia, mang tên Susila Budhi Dharma, hiệp hội đó kết hợp được những người mọi nơi,

chủng tộc và tôn giáo khác nhau.

Tất cả những chuyện đó, cùng với tiền sử của gia tộc Bapak, đã báo trước sự xuất hiện của latihan kedjiwaan trên trần gian, theo ý Thượng Đế Duy Nhất.

Trích dẫn một đoạn nói chuyện của Bapak, ngày 26 tháng 4 1968 tại Santa Monica, California:

...Đây là những gì mà truyền thống đã để lại, tuy không được thuật lại trong các văn thư. Đức Ki Tô đã nói tới, kể cả Thiên Sứ Muhammed. Trước khi Đức ki Tô rời khỏi cái thế gian này, trước khi bị đóng đinh, cũng như Thiên Sứ Muhammed trước khi chết, họ đều nói với các môn đồ: Các anh em hãy ghi khắc điều này trong tim can mình, để truyền lại cho các bạn bè. Một ngày nào đó, Thượng Đế sẽ cuối cùng đích thân hành xử, bởi loài người không biết bao nhiêu lần rồi đã không thể thực hiện những gì đã hứa với Thượng Đế. Thượng Đế tuyên bố: Cho những đứa con mà Ta yêu thích, một ngày nào đó sẽ một người nào đó – có thể nói đó là một sứ giả, nhưng Bapak chỉ nói đó là một người nào đó – sẽ có một người, theo ý muốn Ta, là hiện thân bản chất quyền năng của Thượng Đế, để chuyển hóa toàn thể nhân loại, cho những người chủng tộc và tôn giáo khác nhau trở thành duy nhất trong sự hòa hợp...

Bí mật Fatima

Cách đây vài năm, tôi nhận được một lời mời đi dự một buổi họp của Susila Dharma Quốc tế, tháng 10 tại Troia Bồ Đào Nha. Vợ chồng tôi cùng tới đó với 120 anh chị em Subud.

Sau khi hội họp và tập latihan, chúng tôi đến thăm Fatima, nơi Đức Mẹ hiển linh cho 3 đứa bé, từ tháng 4 tới tháng 10 1917. Người dẫn chúng tôi tới đó là chị Rahmánya; là một nữ y tá, chị thường tới Fatima. Ngồi bên cạnh vợ chồng tôi trên xe, chị thuật lại những gì xảy ra trong năm 1917 tại Fatima, và những gì hiện còn xảy ra.

Buổi chiều, chúng tôi đến thăm nơi Đức Mẹ hiện ra tại Cova da Iria để trao thông điệp cho 3 đứa bé là Lucie (10 tuổi) Jacinthe (8 tuổi) và Francisco (7 tuổi). Đức Mẹ đã nói với chúng là sẽ xảy ra một phép mầu ngày 13 tháng 10 1917. Sau đó, chúng tôi đến gần tượng Đức Mẹ. Có nhiều người đang cầu nguyện. Tôi cũng đến cầu nguyện, cảm thấy lòng tĩnh lặng và yên hòa nhẹ nhõm, một cách không hề phức tạp.

Nhân tiện, tôi mua cuốn ^Temoignage sur les apparitions de Fatima^ của R.P.De Marchi. Tác giả nói mình được dịp trò chuyện với người duy nhất còn sống trong 3 đứa bé là Lucie, hiện là một bà xơ tài tu viện Combra. Tôi đọc thấy trong trang 89:

...Phần thứ 3 của sự hiển linh ngày 13 tháng đã chưa được tiết lộ và được lưu giữ trong một bức thư niêm phong, do tự tay Lucie viết, cho Đức Giám Mục của Leira. Hiện nay, theo những gì chúng ta chắc chắn biết được thì xơ Lucie mong cho mọi người biết được bí mật đó...

Lawrence Barter, trong cuốn "Connections", thuật lại việc mình tìm thấy tại nhà thờ Brampton ở London (cuối những năm 1960) một cuốn sách mỏng về những gì người ta gọi là Phép Màu Fatima.

...Hai thông điệp đầu tiên liên quan tới những điều là hậu quả, nếu thế giới tôn giáo không đầy đủ hối cải tội lỗi mình; như vậy thì chủ nghĩa Bôn-Xê-Vích sẽ lan tràn và thế chiến thứ hai sẽ xảy ra. Dù bị áp lực nặng, Lucia vẫn không chịu tiết lộ thông điệp thứ 3. Cô cho hay Đức Mẹ đã thuyết phục mình phải giữ kín bí mật cho tới năm 1960. Cô viết lại thông điệp, niêm phong nó trong một bức thư cho Đức Giám Mục của Leira, với yêu cầu nó sẽ được tiết lộ trong năm 1960...

...Trong năm 1953 trong một cuộc đàm luận với một cựu bộ trưởng Pháp: vị bộ trưởng đó nói mình có quan hệ lui tới với Đức Giáo Hoàng, và đã cùng đi dạo với Ngài trong những vườn hoa của Vatican. Trong những đề tài đàm luận là vụ bí mật giao cho cô bé Lucia. Ngoài giáo hoàng còn có hơn chục người được biết về nội dung của bí mật. Một đề tài thất gai góc. Điều được tiết lộ cho Lucia lúc "mặt trời nhảy múa" trong năm 1917 là cái thông điệp tuy đơn giản nhưng diệu kỳ này: có một sứ giả của Thượng Đế trên trần gian, nhưng bên ngoài giáo hội.

Trong cuốn "La Croissance de Subud" trang 24: Trong lúc Bapak có mặt ở Paris, một phụ nữ nói với Bapak là mình đã gặp Đức Mẹ, 40 năm trước đó, tại một nơi trở thành thánh địa của người Công giáo (Fatima). Đức Mẹ đã nói là "40 năm tới, một người phương Đông sẽ tới Âu Châu đem một cái gì

đó của Thượng Đế để chỉ đường đi lối bước cho thiên hạ, và tiết lộ những gì còn giấu kín, đặc biệt trong lĩnh vực tâm linh. Người phụ nữ đó cũng được báo trước cho biết là điều nói đó sẽ cho được biết, trước khi chưa gặp nhân vật từ phương Đông là sứ giả của Thượng Đế."

Tất cả những điều đó khiến chúng ta phải nghĩ rằng việc Bapak đến Âu Châu đã được Đức Mẹ báo trước trong tháng 10 1917, vì Bapak đã đến 40 năm sau đó, như đã được tiên tri.

Tôi thích đọc lại Thông Báo Veritas splendor, trong đó:

Con người nhận thấy mình là ai và phải làm gì, khi chính Thượng Đế tiết lộ (trang 4)

Phải có một ngôn sứ để lên án sự đau khổ càng lúc càng gia tăng của nội tâm (trang 72)

Những khó khăn của thế giới đầu kỷ nguyên này khiến chúng ta phải nghĩ rằng chỉ có sự can thiệp từ BÊN TRÊN, điều có khả năng hướng dẫn tâm hồn của những ai sống trong tình cảnh xung đột, của những ai chủ trì định mệnh các quốc gia, thì như vậy mới mong có một tương lai kém mờ ám hơn (lời của Jean Paul II cho các giám mục và tín đồ tại Vatican ngày 16 tháng 19 2002)

Chúng ta nghĩ gì về những tuyên bố của hai vị giáo hoàng đó, vì hình như họ cùng một ý kiến về những tiết lộ của Đức Mẹ cho 3 đứa bé ở Fatima, tháng 10 1917?

Tất cả những điều đó hình như là báo trước sự xuất hiện của latihan kedjiwaan Subud.

Phụ bản: Richard viếng Cộng hòa Zaire lần đầu
- 23.02 - 5.03.1987

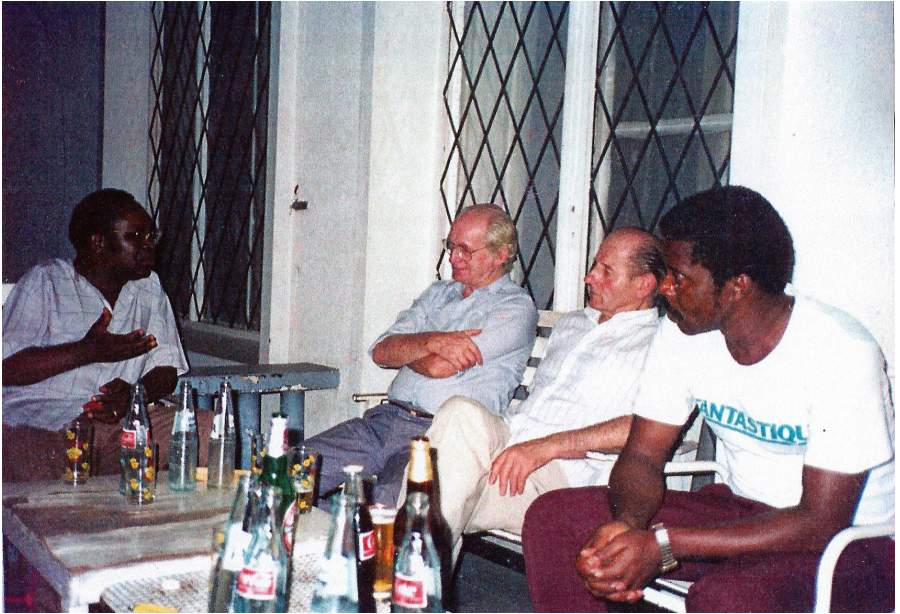






Phụ bản: Richard viếng Cộng hòa Zaire lần thứ hai - 17.11 - 1.12.1988









Phụ bản: Richard viếng Cộng hòa Zaire lần thứ
ba - 25.5 - 8.6.1989





Phụ bản: Richard viếng Cộng hòa Zaire lần thứ
tư - 15. - 26.6.1991





